



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

Tên tổ chức niêm yết: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Tên viết tắt: VINARE

Năm báo cáo: 2015

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý cổ đông,

Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Tăng trưởng GDP đạt 6,68% - mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, lạm phát được duy trì ở mức thấp nhất trong 14 năm qua. Thu hút đầu tư nước ngoài tăng 12,5% về vốn đăng ký mới và vốn bổ sung và 17,4% về vốn giải ngân. Hoạt động của các doanh nghiệp có nhiều khởi sắc, doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 26,6% về số doanh nghiệp và tăng 39,1% về số vốn đăng ký so với năm trước. Đời sống nhân dân, văn hóa – xã hội, an sinh xã hội về cơ bản được cải thiện.

Tuy nhiên, nền kinh tế - xã hội vẫn phải đối mặt với không ít thách thức như: duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, nợ công tăng cao, nợ xấu chậm được xử lý, môi trường đầu tư còn nhiều bất cập... Trên phương diện hội nhập quốc tế, năm 2015 cũng là năm Việt Nam ghi thêm dấu ấn với sự ra đời của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), tham gia Hiệp ước Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU. Bên cạnh những cơ hội phát triển do hội nhập mang đến nhưng nền kinh tế cũng đứng trước những thách thức không nhỏ.

Thị trường bảo hiểm Việt Nam trong năm 2015 đã tiếp tục chứng kiến một bước tiến lớn về cải thiện môi trường hoạt động kinh doanh bảo hiểm với việc ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích thị trường phát triển bền vững và tăng cường kiểm soát, góp phần tạo đà tăng trưởng ấn tượng trong năm qua.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường tăng 25% so với năm 2014, trong đó bảo hiểm phi nhân thọ tăng 17% (đạt 32 ngàn tỷ VND), bảo hiểm nhân thọ tăng gần 30% (đạt 36,6 ngàn tỷ VND). Thực hiện lộ trình tái cấu trúc các doanh nghiệp bảo hiểm, đại đa số các doanh nghiệp đều đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu và biên khả năng thanh toán. Thị trường bảo hiểm có những chuyển biến tích cực từ việc hoạch định chính sách phát triển, tăng cường năng lực cạnh tranh đến cải thiện tỷ suất lợi nhuận nghiệp vụ. Tuy vậy, vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, sự yếu kém về năng lực đánh giá rủi ro, định phí...

Trong bối cảnh đó, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) đã hoàn thành thắng lợi và vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông giao. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 1.617 tỷ VND, tăng 7% so với năm 2014. Phí giữ lại của Tổng công ty đạt 613,4 tỷ VND, tăng 10% so với năm 2014.

VINARE đã tiếp tục cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua nhiều hình thức: tổ chức hội thảo, hỗ trợ đánh giá rủi ro, đào tạo chuyên môn về tái bảo hiểm, cung cấp thông tin thị trường và các giải pháp phát triển bền vững cho thị trường...

Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm đạt 1.074 tỷ VND, bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại đạt 329,3 tỷ VND, tăng nhẹ so với năm trước. Tình hình tổn thất của nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thân tàu tiếp tục diễn biến xấu, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ. Lợi tức thuần từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm đạt 33,1 tỷ VND.

Trong lĩnh vực đầu tư, thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong năm 2015 đạt 241,6 tỷ VND, vượt 14,5% so với kế hoạch. Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư được tăng cường, đảm bảo an toàn, không phát sinh thất thoát hoặc công nợ khó đòi.

Tổng lợi tức trước thuế đạt 274,7 tỷ VND, vượt 10% so với kế hoạch được giao.

Thưa các Quý vị,

Năm 2015 cũng là năm bắt đầu một giai đoạn phát triển mới của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam với nhiều thuận lợi song cũng không ít khó khăn, thách thức.

Với ưu thế là một nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp có hơn 20 năm kinh nghiệm, thấu hiểu thị trường trong nước và đã thiết lập được mạng lưới quan hệ với các nhà bảo hiểm/tái bảo hiểm lớn và uy tín trên toàn thế giới, với sự hỗ trợ và hợp tác của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông chiến lược nước ngoài, để sớm trở thành nhà tái bảo hiểm hàng đầu trong khu vực, VINARE đang nỗ lực phấn đấu để đạt được các mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2015 – 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2015, trong năm 2016, VINARE đặt mục tiêu tăng trưởng 7% về doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và 9% về doanh thu phí giữ lại so với năm 2015. Trong bối cảnh thị trường bảo hiểm tiếp tục cạnh tranh gay gắt, tình hình tổn thất diễn biến phức tạp và năng lực cạnh tranh của các công ty bảo hiểm/tái bảo hiểm Việt Nam còn nhiều bất cập, thì việc đạt được các mục tiêu phát triển trên là thách thức không nhỏ đối với hoạt động của VINARE.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế- xã hội, thị trường bảo hiểm được dự báo sẽ tiếp tục sôi động hơn khi một số loại hình nghiệp vụ bảo hiểm mới được triển khai như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67 của Chính phủ... tạo điều kiện thuận lợi để VINARE mở rộng thị trường và tăng doanh thu. Với đội ngũ cán bộ trẻ, có trình độ, năng động và nhiệt huyết, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và sự hợp tác quý báu của các đối tác và các cổ đông, tôi tin tưởng rằng VINARE sẽ sẵn sàng đón nhận để vượt qua các thử thách và sớm hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Bên cạnh việc tập trung nỗ lực để theo sát tốc độ tăng trưởng chung của thị trường bảo hiểm, trong năm 2016, Tổng công ty cũng sẽ tiếp tục chú trọng hoàn thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, cải thiện vị trí xếp hạng tín nhiệm để khẳng định vị thế trên thị trường khu vực và quốc tế, mở rộng quan hệ đối tác... Để đạt được những kết quả đó, không thể thiếu sự đồng hành, hợp tác và hỗ trợ quý báu của các cơ quan hữu quan, các quý vị cổ đông, các đối tác và toàn thể CBCNV là đối với sự phát triển của VINARE.

Chúc Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành đạt./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Song Lai

THÔNG TIN CHUNG

- ❖ **Thông tin khái quát**
- ❖ **Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh**
- ❖ **Quá trình hình thành và phát triển**
- ❖ **Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức bộ máy**
- ❖ **Các công ty trực thuộc**
- ❖ **Ban lãnh đạo**
- ❖ **Định hướng phát triển**
- ❖ **Các rủi ro**

Thông tin khái quát:

- ❖ Tên giao dịch: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam
- ❖ Giấy phép kinh doanh: 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính
- ❖ Vốn điều lệ: 3.000 tỷ VND
- ❖ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.310.759.370.000 VND
- ❖ Địa chỉ: 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ❖ Điện thoại: 3.9422354
- ❖ Fax: 3.9422351
- ❖ Website: www.vinare.com.vn
- ❖ Mã cổ phiếu: VNR

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

❖ Ngành nghề kinh doanh của VINARE:

- Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ trên thị trường trong và ngoài nước.
- Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh bất động sản và các hoạt động đầu tư khác theo luật định.

- ❖ ***Địa bàn kinh doanh:*** Tổng Công ty có trụ sở chính tại 141, Lê Duẩn, Hà Nội và Chi nhánh tại 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình hình thành và phát triển

1994	<ul style="list-style-type: none">• VINARE chính thức được thành lập và là công ty tái bảo hiểm trong nước đầu tiên với số vốn ban đầu là 40 tỉ đồng• Quy chế tái bảo hiểm bắt buộc (kết thúc năm 2005)
1999	<ul style="list-style-type: none">• Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba nhân kỷ niệm 5 năm ngày thành lập
2001	<ul style="list-style-type: none">• Khánh thành và đưa vào sử dụng trụ sở chính tại 141 Lê Duẩn, Hà Nội
2004 2005	<ul style="list-style-type: none">• Thực hiện cổ phần hóa thành công và Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 500 tỉ đồng• 13 cổ đông chiến lược là các công ty bảo hiểm tham gia với cam kết nhượng dịch vụ cho VINARE• Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập
2006	<ul style="list-style-type: none">• Doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm và thứ 10 được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
2007 2008	<ul style="list-style-type: none">• Tăng vốn điều lệ thực góp lên đến 672 tỉ đồng• Swiss Re trở thành đối tác chiến lược (25% cổ phần)
2009	<ul style="list-style-type: none">• Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất nhân kỷ niệm 15 năm ngày thành lập
2011	<ul style="list-style-type: none">• Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ thực góp lên 1.008 tỉ đồng, tổng tài sản lên đến 3.898 tỉ đồng
2012 2013	<ul style="list-style-type: none">• Tái cấu trúc bộ máy• Hệ thống IT mới (WebXL) được đưa vào vận hành• Được A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành mức "bbb"
2014	<ul style="list-style-type: none">• Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ lên 1.310 tỉ đồng• Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập• Duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và năng lực phát hành tín dụng "bbb"

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính giai đoạn 2011 – 2015 (số liệu của công ty mẹ):

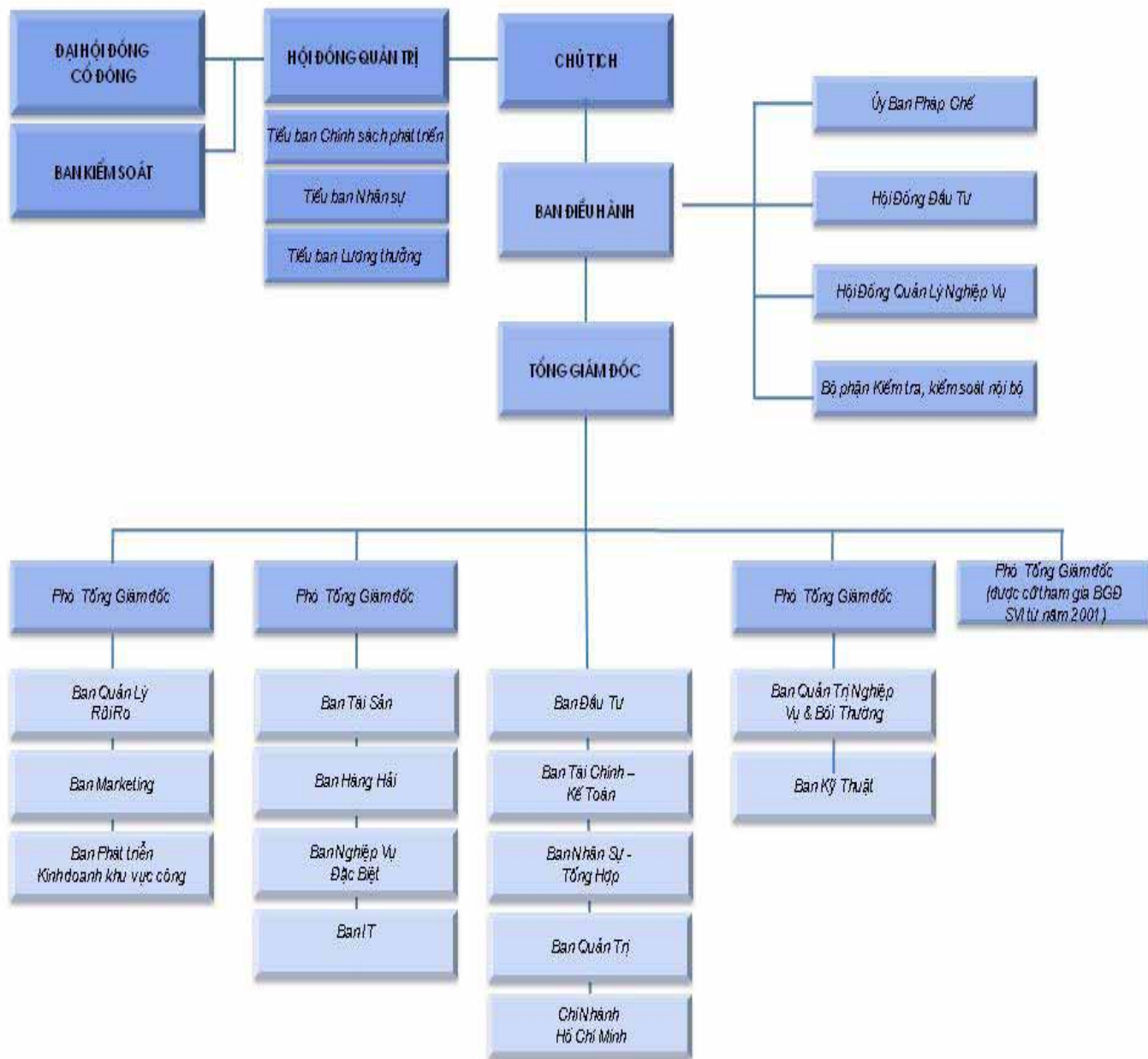
Đơn vị: tỷ VND

	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu phí nhận	1.420	1.608	1.425	1.512	1.617
Doanh thu phí giữ lại	486	647	500	558	613
Doanh thu đầu tư và khác	302	388	326	388	243
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	690	801	689	777	818
Vốn điều lệ	1.008	1.008	1.008	1.310	1.310
Tổng tài sản	3.899	4.049	4.454	5.960	6.372
Lợi tức trước thuế	298	314	379	446	275
Lợi nhuận sau thuế	231	268	310	365	225
ROA (%)	5,92	6,61	6,96	6,12	3,53
ROE (%)	10,73	12,00	13,20	14,00	8,79
EPS (VNĐ)	2.921	2.537	2.981	2.487	1.801

* Ghi chú:

- EPS theo số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất
- Vốn điều lệ 2014 tăng do đợt phát hành cổ phiếu thưởng

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết:

❖ Công ty Đầu tư Vinare Invest

- Giấy phép kinh doanh: 0103034106 cấp ngày 25/12/2008
- Địa chỉ: Tầng 6, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 100 tỷ VND
- Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2015: 93.919.000.000 VND
- Lĩnh vực hoạt động:
 - + Kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản
 - + Kinh doanh các dịch vụ tài chính
 - + Các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật không cấm và HĐQT thấy có lợi nhất cho Công ty
- Tỷ lệ góp vốn của Vinare: số tiền góp 60.000.000.000 VND, tương đương 63,8% vốn điều lệ.
- Các cổ đông chính: Vinare (63,8%), Tiên Phong Bank (10%), Sudico (10%), Công ty CP BĐS Phú Lộc (10%), các cổ đông khác (6,2%)

❖ Công ty liên kết Bảo hiểm Samsung - Vina:

- Giấy phép đầu tư: số 20/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 30/08/2002
- Địa chỉ: Tầng 12, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2015: 500.000.000.000 VND
- Lĩnh vực hoạt động: cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ (bao gồm cả tái bảo hiểm) và đầu tư tài chính theo luật định.
- Tỷ lệ góp vốn của Vinare: 25% vốn điều lệ, tương đương 125.000.000.000 đồng
- Đối tác liên kết: Công ty bảo hiểm Cháy và Hàng hải Sam Sung, Hàn Quốc

Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang đảm nhiệm	Chức vụ công tác đã qua	Quốc tịch
Ông Lê Song Lai <i>Chủ tịch</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Luật - Trường Đại học Tổng hợp Cambridge - Cử nhân Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng Giám đốc SCIC - Bộ Tài chính - Thành viên HĐQT Công ty CP Bảo Minh, Công ty CP Viễn thông CMC - Chủ tịch, TGD Jetstar Pacific 	Phó Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính	Việt Nam
Ông Martyn Parker <i>Phó Chủ tịch</i>	Bằng FCII, Chartered Insurer, Học viện Bảo hiểm hoàng gia Anh	Chủ tịch Ủy ban Hợp tác toàn cầu Swiss Re	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng Khai thác và Bồi thường Nhân thọ của Mercantile and General Re - Trưởng Bộ phận kinh doanh quốc tế của Mercantile and General Re - Giám đốc toàn cầu mảng nhân thọ và sức khỏe và Thành viên Ban Điều hành tập đoàn Swiss Re - Thành viên HĐQT tập đoàn và Giám đốc bộ phận Thị trường khách hàng châu A - Swiss Re 	Anh
Ông Phan Kim Bằng <i>Phó Chủ tịch</i>	Cử nhân kinh tế - Trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; - Chủ tịch HĐQTV kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt 	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng Kế toán Công ty bảo hiểm Hà Nội - Phó Trưởng phòng BH Con người; Trưởng phòng Quản lý đại lý - Trưởng Ban kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, Phó Giám đốc Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt 	Việt Nam
Ông Trần Vĩnh Đức <i>Thành viên</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Bảo hiểm, Đại học Tổng hợp Humboldt - Berlin, CHDC Đức - Kỹ sư Kinh tế chuyên ngành Tài chính-Bảo hiểm - ĐH TH Humboldt-Berlin, Đức 	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng TCTy Bảo hiểm Việt Nam - Trưởng Ban kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc TCTy Bảo hiểm Việt Nam; 	Việt Nam

<p>Ông Đào Nam Hải <i>Thành viên độc lập</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - ĐH quốc gia Hà Nội & Đại học Irvine Hoa Kỳ - Thạc sỹ Luật kinh tế, Viện Nhà nước và Pháp luật - Cử nhân Tài chính doanh nghiệp - ĐH Kinh tế quốc dân 	<p>Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng Tổng hợp kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty PJICO - Trưởng phòng Thị trường kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh PJICO Lạng Sơn - Phó Tổng Giám đốc Công ty PJICO 	<p>Việt Nam</p>
<p>Ông Phạm Sỹ Danh <i>Thành viên độc lập</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sau Đại học, CHLB Đức - Cử nhân kinh tế, CHLB Đức 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước - Thứ trưởng Bộ Tài chính 	<p>Việt Nam</p>
<p>Ông Phạm Công Tứ <i>Thành viên</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Học viện Quản trị kinh doanh Vương quốc Bỉ - Cử nhân Tài chính - Đại học Tài chính - Kế toán 	<p>Tổng Giám đốc VINARE</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán trưởng VINARE - Phó Tổng Giám đốc VINARE 	<p>Việt Nam</p>
<p>Ông Mai Xuân Dũng <i>Thành viên</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, New Zealand - Chứng chỉ Đại học bảo hiểm, Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand - Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, ĐH Kinh tế quốc dân 	<p>Phó Tổng giám đốc VINARE</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE - Giám đốc Ban Hàng hải VINARE 	<p>Việt Nam</p>
<p>Ông Beat Schnegg <i>Thành viên</i></p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng bộ phận Quản lý nghiệp vụ Phi nhân thọ châu Á của Swiss Re. - Thành viên của Ủy ban Quản lý nghiệp vụ ET và Ban điều hành Swiss Re châu Á 	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng nhóm chuyên trách về thị trường Bỉ và Hà Lan, Swiss Re - Trưởng bộ phận Tất toán trách nhiệm hợp đồng (Run-off) của Swiss Re Zurich và châu Á, Phi, Mỹ La tinh - Trưởng Nhóm Bồi thường Tài sản & Trách nhiệm châu Á (P&C) Swiss Re Singapore 	

Ban kiểm soát:

Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang đảm nhiệm	Chức vụ công tác đã qua	Quốc tịch
Ông Trần Trung Tính <i>Trưởng Ban</i>	<ul style="list-style-type: none">- Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân- Cử nhân Toán kinh tế & Bảo hiểm - ĐH Kinh tế quốc dân- Cử nhân Anh văn - ĐH Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	<ul style="list-style-type: none">- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật Công ty Bảo Minh Hà Nội- Phó Giám đốc Công ty Bảo Minh Hà Nội- Trưởng phòng Phát triển kinh doanh BIC	Việt Nam
Ông Trần Phan Việt Hải <i>Thành viên</i>	Cử nhân Bảo hiểm - ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Samsung - Vina (SVI)	Trưởng phòng, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	Việt Nam
Ông Đỗ Quang Khánh <i>Thành viên</i>	Cử nhân Bảo hiểm - ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Kế toán trưởng Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Việt Nam
Bà Lê Thị Thanh Hiền <i>Thành viên</i>	<ul style="list-style-type: none">- Thạc sỹ Tài chính, Đại học Sydney- Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế quốc dân	Phó Phòng Tài chính Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH Kiểm toán PricewaterhouseCoopers	Việt Nam
Ông Deepak Mohan <i>Thành viên</i>	<ul style="list-style-type: none">- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học St. Gallen, Thụy Sĩ- Cử nhân kinh tế Đại học Georgia, Hoa Kỳ- Chứng chỉ về Bảo hiểm Phi nhân thọ (Chartered Property Casualty Underwriter) và Quản trị rủi ro (Associate in Risk Management)	Phó Giám đốc Ban Đầu tư chiến lược, Swiss Re	<ul style="list-style-type: none">- Thành viên tham gia vào nhiều dự án Chiến lược và Phát triển của Tập đoàn Swiss Re- Ban Đầu tư chiến lược Swiss Re tại Hong Kong, tập trung vào các hoạt động đầu tư trực tiếp và phát triển doanh nghiệp tại Đông Nam Á	Mỹ

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang đảm nhiệm	Chức vụ công tác đã qua	Quốc tịch
Ông Phạm Công Tú <i>Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Học viện Quản trị kinh doanh Vương quốc Bỉ - Cử nhân Tài chính - Đại học Tài chính - Kế toán 	Thành viên Hội đồng quản trị VINARE	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán trưởng VINARE - Phó Tổng Giám đốc VINARE 	Việt Nam
Ông Đặng Thế Vinh <i>Phó Tổng giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Đại học Tài chính Gotha, CHLB Đức - Cử nhân tiếng Đức - ĐH ngoại ngữ Hà Nội 		<ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Minh - Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm UIC - Cố vấn Ban giám đốc Công ty Bảo hiểm PTI 	Việt Nam
Ông Mai Xuân Dũng <i>Phó Tổng giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, New Zealand - Chứng chỉ Đại học bảo hiểm, Học viện BH Tài chính Úc - New Zealand - Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, ĐH Kinh tế quốc dân 	Thành viên Hội đồng quản trị VINARE	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE - Giám đốc Ban Hàng hải VINARE 	Việt Nam
Ông Yves-Daniel Cochand <i>Phó Tổng giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Luật, Thụ sỹ - Cử nhân Đại học 		<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Ban Lãnh đạo Bộ phận khai thác BH Trách nhiệm châu Âu, Swiss Re Zurich - Thành viên Ban Lãnh đạo Swiss Re Pháp - Giám đốc, Bộ phận các dịch vụ Tạm thời tại Swiss Re New York - Giám đốc, Trưởng Bộ phận khai thác hợp đồng cố định BH Phi nhân thọ Swiss Re Toronto - Trưởng bộ phận khai thác BH Trách nhiệm châu Á tại Hong Kong 	Thụy Sĩ

Định hướng phát triển:

❖ Tầm nhìn chiến lược:

TRỞ THÀNH NHÀ TÁI BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP Ở VIỆT NAM:

- Cung cấp các giải pháp dài hạn và các dịch vụ chất lượng quốc tế cho thị trường trong nước và khu vực
- Hỗ trợ thị trường bảo hiểm Việt Nam, hướng tới sự phát triển bền vững và hiệu quả
- Nhà đầu tư chuyên nghiệp
- Thực thi trách nhiệm cộng đồng trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội và góp phần nâng cao tính cạnh tranh quốc tế của Việt Nam

❖ Các giá trị cam kết:

- Lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư,
- Nâng cao hiệu quả và tính sinh lợi của thị trường bảo hiểm:
 - + Quản lý rủi ro và nguồn vốn
 - + Đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ
 - + Trung tâm thông tin thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm
- Phát triển bền vững thị trường bảo hiểm:
 - + Cung cấp năng lực tái bảo hiểm
 - + Hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

❖ Mục tiêu tăng trưởng và phát triển giai đoạn 2016 - 2020: theo Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 phê chuẩn

➤ Tăng trưởng:

- Doanh thu Phí nhận Tái bảo hiểm: tăng trưởng bình quân 12%/năm
- Doanh thu Phí giữ lại: tăng trưởng bình quân 16%/năm
- Tỷ lệ Combined Ratio: bình quân 93%

➤ Phát triển bền vững:

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

Những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty:

❖ Rủi ro thị trường:

- Biến động lãi suất tiền gửi, trái phiếu: đặc thù kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm phải luôn đáp ứng thanh toán kịp thời, đầy đủ trách nhiệm nhận tái bảo hiểm, đặc biệt trong môi trường đầu tư biến động khó lường và rủi ro tiềm ẩn cao, phần lớn số vốn nhàn rỗi huy động cho hoạt động đầu tư được phân bổ cho danh mục tiền gửi tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng hoặc mua các loại trái phiếu có bảo lãnh. Vì vậy, các diễn biến mặt bằng lãi suất huy động tiền gửi, trái phiếu, công trái...ảnh hưởng lớn tới thu nhập hoạt động đầu tư.
- Khó khăn trong việc phân bổ tài sản đầu tư dài hạn: Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh chính là tái bảo hiểm, chiến lược đầu tư của VINARE là: An toàn – Hiệu quả - Phát triển bền vững. VINARE hết sức coi trọng chiến lược phân bổ tài sản đầu tư, kết hợp lợi ích ngắn hạn và dài hạn trên cơ sở bảo toàn và phát triển hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Mặc dù hiện nay môi trường đầu tư đã được cải thiện nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao và tác động không nhỏ tới việc phân bổ tài sản đầu tư của VINARE.
- Biến động trên thị trường tiền tệ, tỷ giá: Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm. Việc thanh toán các quyền lợi và nghĩa vụ đối với các nhà nhận – nhượng tái bảo hiểm hầu hết được thanh toán bằng tiền ngoại tệ hoặc có gốc ngoại tệ. Sự biến động tỷ giá và nguồn cung ngoại tệ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Tổng Công ty.
- Tác động của tình hình kinh tế xã hội nói chung: Sự phát triển của nền Kinh tế xã hội ảnh hưởng quan trọng đến nhu cầu tham gia bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân. Thông qua đó, dịch vụ bảo hiểm Tổng Công ty khai thác được bị ảnh hưởng.

❖ Rủi ro pháp lý:

- Thay đổi chính sách quản lý của Nhà nước đối với thị trường bảo hiểm: VINARE đã và đang phải đối mặt với việc mở cửa thị trường bảo hiểm theo lộ trình cam kết khi gia nhập WTO, TPP. Thị trường bảo hiểm mở cửa, đồng nghĩa với việc gia tăng áp lực cạnh tranh đối với hoạt động của VINARE.

❖ Rủi ro bảo hiểm – tái bảo hiểm:

- Đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng được bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm/tái bảo hiểm: Là doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, kinh doanh có tính đặc thù, việc đánh giá rủi ro được bảo hiểm/chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm nhà bảo hiểm/tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ công ty bảo hiểm/tái bảo hiểm chuyển nhượng dịch vụ, từ các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Rủi ro tích tụ và rủi ro có tính chất thảm họa

❖ Rủi ro hoạt động:

- Các rủi ro liên quan đến đội ngũ nhân sự: thay đổi ngoài dự kiến trong bộ máy lãnh đạo; hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân: Kinh doanh tái bảo hiểm có tính chất đặc thù và mang tính quốc tế hóa cao, đào tạo cán bộ trong lĩnh vực kinh doanh này mất nhiều thời gian và tốn kém, sự cạnh tranh lao động trong lĩnh vực này rất quyết liệt, đặc biệt những chính sách đãi ngộ hiện hành còn nhiều hạn chế so với thị trường lao động bảo hiểm quốc tế.
- Các rủi ro liên quan đến quy trình: không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định, quy chế nội bộ của cá nhân cán bộ

- Rủi ro gián đoạn kinh doanh do các sự kiện hay tác nhân bên ngoài: chiến tranh, thiên tai, các sự kiện bất khả kháng khác ...
- Rủi ro an toàn hệ thống: rủi ro công nghệ thông tin, an ninh mạng; rủi ro liên quan đến việc lưu trữ tài liệu, chứng từ.
- Các đối tác giao kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng nhận/nhượng tái bảo hiểm phá sản hoặc không có khả năng thực hiện trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết, hoặc các đối tác tham gia bảo hiểm bị phá sản hoặc không có khả năng thanh toán...

Các biện pháp hạn chế/phòng ngừa rủi ro được trình bày cụ thể trong Quy chế Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp (Enterprise Risk Management Framework) do Tổng công ty xây dựng và ban hành nội bộ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

- ❖ **Tình hình hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Tổ chức và nhân sự**
- ❖ **Tình hình hoạt động đầu tư**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**
- ❖ **Phát triển bền vững**
- ❖ **Chính sách liên quan đến người lao động**

Tình hình hoạt động kinh doanh 2015:

❖ *Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất 2015 đã được kiểm toán:*

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	% so với KH	% so với 2014
Doanh thu phí tái bảo hiểm	1.617.142	100,44	106,92
Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.003.698)	96,69	105,19
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	586.865	104,64	109,10
Doanh thu thuần hoạt động KDBH	991.767		109,97
Tổng chi phí hoạt động KDBH	893.251		115,30
Lợi nhuận gộp KDBH	98.515		77,52
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	217.947		69,32
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.405		86,60
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	251.058		68,60
Lợi nhuận khác	8.452		50,07
Phần lợi nhuận thuần từ công ty liên kết	31.274		94,10
Lợi nhuận trước thuế	290.784		69,89
Lợi nhuận sau thuế	241.076		72,06

❖ *Số liệu báo cáo tài chính của Công ty mẹ:*

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	% so với KH	% so với 2014
Doanh thu phí tái bảo hiểm	1.617.142	100,44	106,92
Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.003.698)	96,69	105,19
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	586.865	104,64	109,10
Doanh thu thuần hoạt động KDBH	991.767		109,97
Tổng chi phí hoạt động KDBH	893.251		115,30
Lợi nhuận gộp KDBH	98.515		77,52
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	232.836		61,61
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.405		86,60
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	265.947		61,92
Lợi nhuận khác	8.795		52,10
Lợi nhuận trước thuế	274.741		61,55
Lợi nhuận sau thuế	225.034		61,68

Tổ chức và nhân sự:

❖ Thay đổi nhân sự Ban Tổng giám đốc:

- Ngày 15/7/2015 Hội đồng quản trị đã ra quyết định tái bổ nhiệm bà Lưu Thị Việt Hoa chức vụ Kế toán Trưởng VINARE nhiệm kỳ 2015-2019.
- Ngày 18/9/2015 Hội đồng quản trị đã quyết định gia hạn thời gian đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Đặng Thế Vinh thêm 01 năm.
- Ngày 18/11/2015 Hội đồng quản trị đã ra quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Ông Thomas Kessler do hết thời hạn cử sang công tác tại VINARE.
- Ngày 18/11/2015 Hội đồng quản trị đã ra quyết định bổ nhiệm có thời hạn Ông Yves-Daniel Cochand giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE, thời hạn 3 năm.

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31/12/2015 là 96 người (tại ngày 31/12/2014 là 94 người)

❖ Chính sách đối với người lao động:

➤ Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

- Chính sách tuyển dụng tại VINARE được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình và tiêu chuẩn quy định để đảm bảo tuyển dụng được những cán bộ có năng lực, trình độ, đáp ứng các yêu cầu về quản lý và hoạt động kinh doanh.
- Việc tuyển dụng và sắp xếp, bố trí công việc được thực hiện đảm bảo phù hợp năng lực, phẩm chất của người lao động, phát huy năng lực, đóng góp của người lao động cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người lao động có sự thăng tiến trong nghề nghiệp.
- Người lao động được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, các khóa đào tạo về Bảo hiểm – Tái bảo hiểm trong nước và nước ngoài.
- Trong năm 2015, đã có 9 cán bộ được cử đi đào tạo trong nước, 11 cán bộ được cử đi đào tạo tại nước ngoài.

➤ Chính sách trả lương, khen thưởng, phúc lợi:

- VINARE chủ trương xây dựng chính sách đãi ngộ mang tính dài hạn, đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch, khuyến khích người có tài, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, năng suất lao động cao, đóng góp nhiều vào kết quả hoạt động của VINARE. Tạo đòn bẩy khuyến khích lợi ích vật chất nhằm phát huy sức mạnh sáng tạo, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động trong hoạt động kinh doanh.
- Triển khai hệ thống quản lý hiệu quả làm việc bao gồm: xây dựng bản mô tả công việc của từng vị trí, cá nhân người lao động lập bảng kế hoạch mục tiêu cá nhân hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc giữa kỳ và cuối kỳ dựa trên kế hoạch mục tiêu cá nhân đã được phê duyệt

❖ Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có

Tình hình hoạt động đầu tư 2015:

Danh mục đầu tư tại 31/12/2015:

Đơn vị: triệu VND

STT	Danh mục đầu tư	2015	2014	+/-	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	1.991.500	1.968.660	+22.840	61,0%
2	Trái phiếu, công trái	210.000	140.000	+70.000	6,4%
3	Góp vốn DN khác	654.000	654.000	0	20,0%
4	Đầu tư chứng khoán	33.189	32.596	+593	1,0%
5	Ủy thác đầu tư	150.000	120.000	+30.000	4,6%
6	Văn phòng cho thuê	13.817	15.235	-1.418	0,4%
7	Đầu tư BĐS	13.304	13.304	0	0,4%
8	Đầu tư khác, TGKKH	198.751	145.681	+53.070	6,2%
	Tổng cộng	3.275.177	3.113.181	+161.996	100%

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết:

❖ *Tình hình hoạt động kinh doanh:*

Đơn vị: tỷ VND

Công ty	Doanh thu thuần			Lợi tức trước thuế		
	2015	2014	2015/14	2015	2014	2015/14
L/doanh SVI	342,5	341,0	100,43%	160,9	170,3	94,48%
Vinare Invest	0,87	4,15	20,96%	-4,18	-0,7	

❖ *Tình hình tài chính:*

Đơn vị: tỷ VND

Công ty	Vốn ĐL thực góp 31/12/15 (tỷ đ)	Vốn CSH 31/12/15 (tỷ đ)	GT sổ sách 31/12/15 (đ/CP)	Giá vốn đầu tư VNR (đ/CP)
L/doanh SVI	500	746,27	14.925	10.000
Vinare Invest	93,92	83,72	8.914	10.000

Tình hình tài chính:

❖ Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị: tr. VND

Chỉ tiêu	2015	2014	Tỷ lệ % 2015/14
Tổng giá trị tài sản	6.465.307	6.034.510	107,14
Doanh thu thuần KDBH	991.767	901.784	109,97
Lợi nhuận gộp KDBH	98.515	127.072	77,52
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	217.947	314.422	69,32
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	251.058	365.972	68,60
Lợi nhuận khác	8.452	16.880	50,07
Phần lợi nhuận thuần từ công ty liên kết	31.274	33.234	94,10
Lợi nhuận trước thuế	290.784	416.087	69,89
Lợi nhuận sau thuế	241.076	334.550	72,06
Lợi nhuận sau thuế có thể phân phối cho cổ đông (*)	242.587	334.809	72,46
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	83,28%	60,31%	

(*) Lợi nhuận sau thuế có thể phân phối cho cổ đông chưa loại trừ lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá và không được phân phối.

❖ Báo cáo tài chính công ty mẹ:

Đơn vị: tr. VND

Chỉ tiêu	2015	2014	Tỷ lệ % 2015/14
Tổng giá trị tài sản	6.372.268	5.959.467	106,92
Doanh thu thuần KDBH	991.767	901.784	109,97
Lợi nhuận gộp KDBH	98.515	127.072	77,52
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	232.836	377.921	61,61
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	265.947	429.472	61,92
Lợi nhuận khác	8.795	16.879	52,10
Lợi nhuận trước thuế	274.741	446.351	61,55
Lợi nhuận sau thuế	225.034	364.815	61,68

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

❖ Báo cáo tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	2015	2014	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,39	1,46	Lần
- Khả năng thanh toán nhanh	0,58	0,61	Lần
2. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	18,36	18,68	%
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn / Tổng tài sản	81,64	81,32	%
3. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	58,96	55,60	%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	41,04	44,40	%
4. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	23,79	33,81	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	19,73	27,19	%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	4,5	6,90	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3,73	5,54	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	9,19	12,64	%

❖ Báo cáo tài chính công ty mẹ:

Chỉ tiêu	2015	2014	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	1,67	1,78	Lần
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,38	1,46	Lần
- Khả năng thanh toán nhanh	0,57	0,60	Lần
2. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	17,41	17,99	%
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn / Tổng tài sản	82,59	82,01	%
3. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	59,80	56,29	%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	40,20	43,71	%
4. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	22,24	34,61	%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	18,22	28,29	%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	4,31	7,49	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3,53	6,12	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	8,79	14,00	%

Vốn cổ phần và Cơ cấu cổ đông:

❖ *Cơ cấu cổ phiếu:* Đến ngày 7/3/2016

Chỉ tiêu	Số lượng
1. Tổng số cổ phiếu	131.075.937
- CP phổ thông chuyển nhượng tự do	109.406.861
- CP phổ thông chuyển nhượng có điều kiện	21.669.076
2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại	131.075.937
- CP phổ thông chuyển nhượng tự do	109.406.861
- CP phổ thông chuyển nhượng có điều kiện	21.669.076

❖ *Cơ cấu cổ đông:* tính đến thời điểm 7/3/2016, cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty như sau:

TT	Loại cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ /VDL
1	Cổ đông tổ chức:	126.617.814	96,60%
a	Trong nước	81.824.450	62,43%
	- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	52.906.035	40,36%
	- Các cổ đông pháp nhân khác	28.918.415	22,07%
b	Nước ngoài	44.793.364	34,17%
2	Cổ đông cá nhân:	4.458.123	3,40%
a	Trong nước	3.780.274	2,88%
b	Nước ngoài	677.849	0,52%
	Cộng	131.075.937	100%

❖ *Danh sách cổ đông lớn:* (tại thời điểm 7/3/2016)

TT	Tên cổ đông	Vốn góp theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	SCIC	529.060.350.000	40,36%
2	Swiss Re	327.689.890.000	25,00%
3	Bảo Việt	120.268.200.000	9,18%
4	Bảo Minh	84.275.100.000	6,43%
5	Franklin Templeton	59.833.950.000	4,56%

❖ *Thay đổi vốn đầu tư:* không có

❖ *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* không có

Phát triển bền vững

❖ *Định hướng phát triển bền vững:*

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư;
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

❖ *Hành động cụ thể:*

- Thiết lập chiến lược, mục tiêu phát triển và kế hoạch hành động một cách rõ ràng và thường xuyên đánh giá, xem xét và hiệu chỉnh trong quá trình thực hiện;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong nội bộ Tổng công ty để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và bền vững;
- Góp phần nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro trong thị trường bảo hiểm/tái bảo hiểm Việt Nam thông qua các hoạt động: đào tạo và chuyển giao kỹ thuật quản trị rủi ro và phòng ngừa rủi ro; cung cấp và đánh giá các thông tin về thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm và các thông tin có liên quan;
- Cung cấp các sản phẩm mới cho thị trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng về bảo hiểm;
- Thu xếp tái bảo hiểm một cách an toàn và hiệu quả cho VINARE và các công ty nhượng tái, đảm bảo khả năng tài chính, thu hồi và chi trả bồi thường đầy đủ và kịp thời;
- Tư vấn chương trình tái bảo hiểm hiệu quả cho các công ty gốc;
- Tư vấn về các chính sách quản lý thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm, hướng tới sự phát triển bền vững;
- Đào tạo nhân lực về chuyên môn tái bảo hiểm cho thị trường;
- Tích cực tham gia các chương trình bảo vệ rủi ro cho cộng đồng: VINARE là nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm cho chương trình Bảo hiểm Nông nghiệp thí điểm theo Nghị định 135 của Chính phủ và chương trình Bảo hiểm Thủy sản theo Nghị định 67 của Chính phủ. Phối hợp với Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm (Bộ Tài chính), Ngân hàng Thế giới nghiên cứu triển khai Bảo hiểm Thiên tai tại Việt Nam;
- Dành một nguồn ngân sách hợp lý cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.

Chính sách liên quan đến người lao động:

❖ *Những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

- Khám sức khỏe định kỳ: hàng năm, Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động
- Các chế độ bảo hiểm: ngoài các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định hiện hành của Nhà nước như Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp, Tổng công ty mua Bảo hiểm Tai nạn thân thể và Trợ cấp nằm viện cho người lao động
- Các khoản trợ cấp: người lao động được hưởng các khoản trợ cấp từ quỹ phúc lợi trong các trường hợp sau:
 - Khó khăn đột xuất, ốm đau, bệnh tật
 - Trợ cấp đối với lao động nữ nghỉ sinh con
 - Tặng quà nhân dịp sinh nhật, nghỉ hưu, kết hôn
 - Chi phí nghỉ mát hàng năm ...
- Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn: tùy theo nhu cầu hoạt động, kế hoạch và quy hoạch cán bộ, người lao động được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước
- Trong năm 2015, đã có 9 cán bộ được cử đi đào tạo trong nước, 11 cán bộ được cử đi đào tạo tại nước ngoài.
- Người lao động được hưởng thu nhập từ lương và các lợi ích khác theo cơ chế gắn liền với hiệu quả lao động sản xuất kinh doanh.
- Chính sách bổ nhiệm cán bộ được minh bạch – công khai theo qui trình và cẩn trọng thực hiện thông qua qui trình đánh giá hiệu quả làm việc cá nhân.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ **Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Những tiến bộ đã đạt được**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý**
- ❖ **Kế hoạch kinh doanh 2016**

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

Kinh doanh nhận - nhượng tái bảo hiểm:

❖ **Thu phí nhận TBH năm 2015:** Doanh thu phí 2015 tăng 6,9% so với 2014, đạt 100,5% KH đề ra; doanh thu phí giữ lại tăng 9,9%, đạt 107,2% KH đề ra do những nguyên nhân sau:

➤ Bên ngoài:

- Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong nước tăng trưởng 17% so với 2014, tuy nhiên phần lớn tập trung vào các nghiệp vụ bán lẻ thuộc mức giữ lại của các công ty BH gốc
- Hợp tác với các DN gốc trong cải thiện điều kiện/điều khoản bảo hiểm
- Thị trường bảo hiểm quốc tế đang có xu hướng “mềm” hơn → việc nhận dịch vụ từ thị trường nước ngoài khó khăn hơn, mặt bằng phí thu giảm
- Tình hình cạnh tranh vẫn tiếp tục diễn ra gay gắt, thể hiện qua việc hạ phí, mở rộng điều kiện, điều khoản, chi phí khai thác dịch vụ tăng cao
- Hoạt động môi giới còn nhiều bất cập

➤ Nội tại:

- Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH
- Tăng cường cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng và tăng cường quan hệ khách hàng (hội thảo, đánh giá rủi ro, đào tạo, cung cấp thông tin, các giải pháp phát triển bền vững ...)
- Hiệu quả của tái cấu trúc bộ máy: hoạt động của các Ban dần đi vào ổn định, đổi mới phương thức marketing và tiếp cận khách hàng, phối hợp hoạt động giữa các ban

❖ **Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (bao gồm dự phòng bồi thường):** 329,3 tỷ đồng, tăng 2,53% so với năm trước.

- Tổng số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm nhận TBH VINARE phát sinh được ghi nhận trong năm 1.074 tỷ VND. Tổng số tiền thu bồi thường nhượng TBH phát sinh được ghi nhận trong năm 742,3 tỷ VND. Chi bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại phát sinh ghi nhận trong năm 331,7 tỷ VND, dự phòng bồi thường giảm 2,4 tỷ VND.
- Tình hình bồi thường của nghiệp vụ Tài sản tiếp tục xấu, tổn thất lớn nghiêm trọng liên tiếp xảy ra, hầu hết rơi vào Cat 3 và Cat 4. Năm 2015 phải chi trả có tính bất thường tổn thất từ hợp đồng Swiss Re Group XL (14 tỷ VND), thông báo bồi thường bổ sung của sự kiện lũ lụt Thái Lan (4 tỷ).
- Nghiệp vụ Hàng hóa tỷ lệ tổn thất cao ở nhóm hàng xá, đặc biệt là tổn thất Vinafood 2
- Nghiệp vụ Thân tàu tiếp tục xảy ra nhiều tổn thất lớn gây lỗ cho hoạt động kinh doanh
- Các nghiệp vụ khác không có biến động lớn.

Công tác đầu tư tài chính:

❖ Thu nhập hoạt động đầu tư:

- Thu nhập hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác năm 2015 của VINARE đạt 241,6 tỷ VND, vượt 14,5% so với kế hoạch.

Đơn vị: Tr. VND

STT		2015	2014	2015/2014
A	Doanh thu đầu tư & thu khác	243.494	387.877	62,7%
1	Tiền gửi ngân hàng	138.834	161.451	86,0%
2	Trái phiếu	12.704	15.741	80,7%
3	Góp vốn cổ phần	29.776	170.449	17,5%
4	Chứng khoán niêm yết	1.836	2	918%
5	Ủy thác đầu tư	24.066	10.297	233,7%
6	Văn phòng cho thuê	12.517	14.001	89,4%
7	Đầu tư bất động sản	0	0	
8	Thu nhập khác	3.309	14.093	23,5%
9	Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá ngoại tệ cuối kỳ	20.452	1.843	1.109,7%
B	Chi phí đầu tư & chi khác	1.863	(6.924)	
C	Thu nhập đầu tư & hoạt động khác (C=A-B)	241.631	394.801	61,2%

Những tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được:

- Tổng công ty nằm trong danh sách 30 công ty niêm yết có điểm số cao nhất về minh bạch thông tin theo Chương trình Thẻ điểm Công bố thông tin và Minh bạch 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Tổng giám đốc được vinh danh Top 50 Nhà lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc – Mark of Respect 2015, “Lãnh đạo đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc” do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn;
- Tổng công ty đã tổ chức thành công Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ IV. Hội nghị đã tập trung vào những giải pháp, kiến nghị có ý nghĩa thiết thực cho sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam và nhận được những đánh giá rất tích cực từ các đối tác và khách hàng;
- Định kỳ rà soát tình hình tổn thất và rủi ro, trên cơ sở đó đưa ra khuyến cáo về quản trị rủi ro nội bộ và cho khách hàng;
- Triển khai nhận TBH Thủy sản theo Nghị định 67 của Chính phủ;
- Phối hợp với Bảo Việt, Bảo Minh và Swiss Re triển khai bảo hiểm vật nuôi tại Vĩnh Phúc;
- Tích cực phối hợp với các đối tác để phát triển sản phẩm mới: BH Ung thư, BH Tín dụng, ...
- Thành lập mới Ban Phát triển Kinh doanh Khu vực Công (phối hợp với Swiss Re) nhằm phát triển các giải pháp/dịch vụ/sản phẩm phục vụ cho khu vực công;
- Đẩy mạnh hoạt động các Ban không chuyên: BMC, Pháp chế, Kiểm toán nội bộ, ...
- Tích cực giải quyết công nợ tồn đọng với khách hàng;
- Cải thiện tốc độ xử lý của hệ thống WebXL và Data Warehouse, hoàn thiện hệ thống biểu mẫu báo cáo trên Business Object;
- Tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế (rating): năng lực tài chính B++, triển vọng ổn định và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành “bbb”, triển vọng tích cực (A.M.Best);
- Hoàn thành đề án chuyển đổi báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS): nhằm tăng cường minh bạch thông tin với các cổ đông, nhà đầu tư, đặc biệt là cổ đông và nhà đầu tư nước ngoài, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp;
- Nghiên cứu, tìm giải pháp đối phó rủi ro thiên tai: tham gia dự án xây dựng giải pháp tài chính cho rủi ro thiên tai;
- Phối hợp với các công ty bảo hiểm gốc đánh giá rủi ro và đào tạo về đánh giá rủi ro cho khách hàng: Hoạt động đánh giá rủi ro bảo hiểm là hoạt động thường xuyên, liên tục đối với doanh nghiệp bảo hiểm. Đội ngũ cán bộ bảo hiểm có kiến thức về lĩnh vực đánh giá rủi ro có yêu cầu kỹ thuật cao còn thiếu và yếu. Trong năm 2015, VINARE đã tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ cho lĩnh vực này của VINARE và thị trường. Hoạt động của Bộ phận đánh giá rủi ro của VINARE bắt đầu có hiệu ứng tích cực đối với kết quả kinh doanh của VINARE cũng như cung cấp giá trị gia tăng về quản trị rủi ro đối với thị trường;
- Tiếp tục triển khai chương trình SCA (Chương trình hợp tác chiến lược VINARE – Swiss Re) thực hiện một số nội dung: nâng cao năng lực cạnh tranh của VINARE trong các lĩnh vực: đào tạo và phát triển nguồn lực, năng lực cung cấp sản phẩm, năng lực khai thác, năng lực quản lý, năng lực đầu tư, tin học và đào tạo cho thị trường;

Tình hình tài chính (Báo cáo hợp nhất):

❖ *Tình hình tài sản:*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2014	% thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/(5)
I	TÀI SẢN				
1	Tổng tài sản	Tỷ đ	6.465.307	6.034.510	107,14
1.1	Tiền, đầu tư ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đ	4.290.301	3.881.049	110,54
1.2	Phải thu khách hàng (ngắn hạn)	Tỷ đ	988.251	1.026.371	96,29
1.3	Tài sản dài hạn	Tỷ đ	1.186.755	1.127.090	105,29
2	Cơ cấu tài sản				
2.1	Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	18,36	18,68	
2.2	Tiền, đầu tư ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác/ tổng tài sản	%	66,36	64,31	
2.3	Nợ phải thu/Tổng tài sản	%	15,28	17,01	
B	NGUỒN VỐN				
1	Tổng nguồn vốn	Tỷ đ	6.465.307	6.034.510	107,14
1	Nợ phải trả	Tỷ đ	3.812.072	3.355.474	113,61
	Trong đó: Dự phòng nghiệp vụ	Tỷ đ	2.759.085	2.473.113	111,56
2	Vốn chủ sở hữu, trong đó	Tỷ đ	2.653.235	2.679.036	99,04
	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tỷ đ	30.236	31.747	95,24
2	Cơ cấu nguồn vốn				
2.1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,96	55,60	
2.2	Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	41,04	44,40	

- Tổng tài sản của Vinare tại thời điểm 31/12/2015 đạt 6.465 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm 2014. Cơ cấu tài sản không có biến động lớn so với năm 2014.
- Tổng nợ phải thu là 988 tỷ đồng. Tỷ trọng nợ phải thu trên tổng tài sản năm 2015 là 15,28% và được trích dự phòng đầy đủ theo đúng qui định. Các khoản nợ phải thu chủ yếu là công nợ trong thanh toán tái bảo hiểm,
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 đạt 2.653 tỷ đồng, bằng 99% so với năm 2014.

❖ *Tình hình nợ phải trả:*

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 là 3.812 tỷ đồng, chiếm 58,96% trên tổng nguồn vốn, tăng 13% so với năm 2014, trong đó dự phòng nghiệp vụ là 2.759 tỷ đồng chiếm 72,4% tổng nợ phải trả. Các khoản nợ phải trả chủ yếu là công nợ trong thanh toán tái bảo hiểm.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Thành lập mới Ban Phát triển Kinh doanh Khu vực Công (phối hợp với Swiss Re) nhằm phát triển các giải pháp/dịch vụ/sản phẩm phục vụ cho khu vực công
- Tiến hành rà soát, đánh giá và sửa đổi các Hướng dẫn về Khai thác và Bồi thường
- Thay đổi chính sách nhận/nhượng tái bảo hiểm theo hướng quản lý chặt chẽ rủi ro
- Tăng cường hoạt động của các Ban: Pháp chế, Quản lý nghiệp vụ, Hội đồng đầu tư, Kiểm soát nội bộ

Kế hoạch kinh doanh 2016:

Kế hoạch kinh doanh năm 2016 (đã được HĐQT phê duyệt):

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	2016	2015	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1.730.000	1.617.142	7,0%
Doanh thu phí giữ lại	669.000	613.444	9,1%
Lợi nhuận trước thuế (<i>không bao gồm chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ</i>)	260.000	254.289	2,4%
Cổ tức dự kiến (%)	12%	15%	

❖ **Chủ trương chung:**

Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh Tái bảo hiểm; từng bước mở rộng thị trường Tái bảo hiểm, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, các giải pháp phát triển bền vững, ...);

❖ **Một số lĩnh vực cụ thể:**

- Tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới: Bảo hiểm Ung thư, Rủi ro thiên tai, Tín dụng xuất khẩu, các sản phẩm bảo hiểm cho khu vực công ...
- Tập trung nâng thị phần phí nhận tái bảo hiểm Kỹ thuật
- Tăng cường quản lý rủi ro và đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm Tài sản
- Tập trung quản lý rủi ro nghiệp vụ Hàng hóa (hàng xá)
- Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm

Các giải pháp:

❖ **Marketing và khai thác:**

- Tiếp tục thực thi chính sách khách hàng đồng bộ
- Thiết lập và hoàn chỉnh hệ thống thông tin khách hàng, đánh giá thông tin khách hàng và sản phẩm/nghiệp vụ và phân loại khách hàng, sản phẩm/dịch vụ ...
- Thiết lập chính sách cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng: quản trị rủi ro, thông tin, đào tạo, sản phẩm mới, chính sách khen thưởng

- Mở rộng mạng lưới quan hệ khách hàng trong và ngoài nước
 - Thúc đẩy thương hiệu và hình ảnh VINARE trên thị trường trong nước và quốc tế
 - Nghiên cứu khả năng mở rộng thị trường nước ngoài một cách thận trọng, khảo sát thị trường Lào, Campuchia, Myanmar, ...
 - Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới (BH Nat Cat, Tín dụng, ...)
 - Tập trung triển khai BH Ung thư, BH Nông nghiệp, BH Tàu cá
- ❖ **Quản trị rủi ro:**
- Tăng cường hoạt động giám định rủi ro của VINARE và thị trường
 - Đào tạo/tuyển dụng chuyên gia tính toán
 - Xây dựng công cụ định phí (Pricing Tool)
- ❖ **Đầu tư:**
- Ban hành, sửa đổi các cơ chế liên quan đến lĩnh vực đầu tư;
 - Tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động cho thuê diện tích
 - Đánh giá danh mục góp vốn vào doanh nghiệp khác
 - Rà soát, đánh giá, cải thiện danh mục đầu tư
- ❖ **Tài chính – Kế toán:**
- Tập trung kiểm soát, quản trị doanh thu - chi phí, các qui trình quản lý chi phí
 - Hoàn chỉnh báo cáo Nâng cấp ứng dụng IT (phần cho Tài chính - Kế toán)
- ❖ **Tổ chức bộ máy:**
- Nghiên cứu đổi mới toàn diện quy chế trả lương, đóng BHXH và các loại hình bảo hiểm khác được phép, các chính sách phát triển nguồn lực và quản lý nguồn nhân lực
 - Đào tạo nguồn nhân lực (tự đào tạo, thuê đào tạo ...)
 - Nâng cao chất lượng đánh giá hiệu quả làm việc
- ❖ **Công nghệ thông tin:**
- Vận hành hệ thống IT an toàn, hiệu quả
 - Bảo đảm an ninh/an toàn hệ thống
 - Triển khai thiết lập hệ thống IT cho kế toán
 - Hoàn thiện hệ thống báo cáo Business Object

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

HDQT đánh giá chung: Tổng công ty hoàn thành vượt mức và toàn diện kế hoạch kinh doanh 2015.

Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận nỗ lực của Tổng Công ty trong việc hoàn thành các mục tiêu HĐQT đã giao và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của VINARE: năng lực quản lý, năng lực cung cấp sản phẩm, năng lực đầu tư, năng lực IT, năng lực khai thác....

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc:

- Ban Giám đốc điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Ban Giám đốc tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp HĐQT .
- Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

HDQT thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2016 như sau:

❖ Kế hoạch kinh doanh 2016:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	2016	2015	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1.730.000	1.617.142	7,0%
Doanh thu phí giữ lại	669.000	613.444	9,1%
Lợi nhuận trước thuế (<i>không bao gồm chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ</i>)	260.000	254.289	2,4%
Cổ tức dự kiến (%)	12%	15%	

❖ Nhiệm vụ trọng tâm 2016:

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2016
- Đẩy mạnh hoạt động của Ban Phát triển Kinh doanh Khu vực Công, hợp tác SCA
- Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực: BH Ung thư, Tín dụng, Rủi ro thiên tai, ...

- Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường
- Đánh giá và phân bổ nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy
- Báo cáo đề xuất xây dựng hệ thống CNTT kế toán – tài chính
- Đào tạo/tuyển dụng chuyên gia tính toán
- Tăng cường quản lý rủi ro (nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng)
- Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ và các quy định về quản trị công ty
- Hoàn chỉnh các chính sách xây dựng và phát triển nguồn nhân lực
- Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả
- Nâng cao năng lực đầu tư

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị

Thành phần HĐQT: Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2015 – 2019) do Đại hội đồng cổ đông ngày 24/4/2015 bầu ra gồm có các thành viên sau:

- Ông Lê Song Lai – Chủ tịch
- Ông Martyn Parker – Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Phan Kim Bằng – Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Công Tứ - Ủy viên HĐQT
- Ông Beat Schnegg - Ủy viên HĐQT
- Ông Phạm Sỹ Danh - Ủy viên HĐQT
- Ông Trần Vĩnh Đức - Ủy viên HĐQT
- Ông Đào Nam Hải – Ủy viên HĐQT
- Ông Mai Xuân Dũng - Ủy viên HĐQT

Thành viên HĐQT độc lập:

- Ông Đào Nam Hải
- Ông Phạm Sỹ Danh

Các thành viên HĐQT không điều hành:

- Ông Lê Song Lai
- Ông Phan Kim Bằng
- Ông Trần Vĩnh Đức
- Ông Martyn Parker
- Ông Đào Nam Hải

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: theo kết quả chốt danh sách cổ đông ngày 7/3/2016

TT	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 16/3/2015		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 7/3/2016	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Lê Song Lai	15,36%	0,02%	15,26%	0,02%
2	Phạm Công Tứ	11,00%	0,21%	12,97%	0,21%
3	Mai Xuân Dũng	12,13%	0,03%	12,13%	0,03%
4	Phan Kim Bằng	9,18%	0%	9,18%	0%
5	Trần Vĩnh Đức	6,42%	0,02%	6,43%	0,02%
6	Martyn Parker	0%	0%	0%	0%
7	Đào Nam Hải	2,50%	0%	2,50%	0%
8	Beat Schnegg	0%	0%	0%	0%
9	Phạm Sỹ Danh	0%	0%	0%	0%

Các Tiểu ban của HĐQT:

- ❖ **Tiểu ban Chính sách Phát triển:**
 - Ông Lê Song Lai, Trưởng Tiểu ban
 - Ông Martyn Parker, thành viên
 - Ông Phạm Công Tứ, thành viên
- ❖ **Tiểu ban Nhân sự:**
 - Ông Phạm Sỹ Danh, Trưởng Tiểu ban
 - Ông Phan Kim Bằng, thành viên
 - Ông Beat Schnegg, thành viên
- ❖ **Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng:**
 - Ông Đào Nam Hải, Trưởng Tiểu ban
 - Ông Mai Xuân Dũng, thành viên
 - Ông Trần Vĩnh Đức, thành viên

Hoạt động của các Tiểu ban của HĐQT:

- ❖ **Tiểu ban Chính sách phát triển:**
 - Tiến hành đánh giá chính sách chi trả cổ tức của Tổng công ty trong quá khứ
 - Đang tiến hành nghiên cứu đề ra chính sách chi trả cổ tức giai đoạn 2015 – 2020
 - Đánh giá và rà soát chiến lược và mục tiêu chiến lược giai đoạn 2015 – 2020
 - Rà soát và hoàn chỉnh các quy định về quản trị và Điều lệ Tổng công ty (đang tiến hành)
- ❖ **Tiểu ban Nhân sự:**
 - Kiện toàn bộ máy HĐQT và các Tiểu ban của HĐQT
 - Rà soát và hoàn chỉnh các chính sách nhân sự của Tổng công ty (đang tiến hành)
- ❖ **Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng:**
 - Đánh giá lại chính sách lương thưởng và hiệu chỉnh (đang tiến hành)

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã họp 4 lần trong năm 2015

1. Phiên họp HĐQT lần thứ XI, Nhiệm kỳ II ngày 20/3/2015

- Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2014
- Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2014
- Phê duyệt thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2014
- Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2015
- Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan
- Thông qua Báo cáo tiền lương thực hiện năm 2014 và phê chuẩn nguyên tắc giao tiền lương, Quỹ tiền lương của các đối tượng từ 01/01/2015
- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT 2014, Quý I/2015 và nhiệm kỳ 2010-2014

- Thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Định hướng mục tiêu phát triển giai đoạn 2016-2020
- Thông qua cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2019
- Đồng ý Ông Trịnh Quang Tuyền – Chủ tịch HĐQT chính thức nghỉ hưu từ 01/7/2015
- Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2015
- Ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2015-2019 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2015-2019

2. Phiên họp HĐQT lần thứ I, Nhiệm kỳ III ngày 24/4/2015

- Bầu ông Lê Song Lai làm Chủ tịch HĐQT
- Bầu ông Martyn Parker làm Phó Chủ tịch HĐQT

3. Phiên họp HĐQT lần thứ II, Nhiệm kỳ III ngày 21/8/2015

- Thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015
- Thông qua việc thành lập một số Tiểu ban của Hội đồng quản trị (Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng)
- Thông qua việc phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2019
- Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký giúp việc
- Phê chuẩn về nguyên tắc bản Thỏa thuận hợp tác chiến lược (SCA) giữa VINARE và Swiss Re
- Thông qua dự kiến thời gian và nội dung cuộc họp HĐQT lần thứ 3, nhiệm kỳ III

4. Phiên họp HĐQT lần thứ III, Nhiệm kỳ III ngày 18/11/2015

- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2015
- Thông qua đề xuất lùi thời hạn chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015
- Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Ông Thomas Kessler; bổ nhiệm Ông Yves-Daniel Cochand giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc thời hạn 3 năm
- Đồng ý thành lập Ban Phát triển Kinh doanh khu vực công
- Giao Tổng Giám đốc tiếp tục xin ý kiến đóng góp của các thành viên HĐQT, hoàn chỉnh chính sách chi trả cổ tức tại VINARE, trình HĐQT ban hành
- Bầu ông Phan Kim Bằng - Ủy viên HĐQT VINARE giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT VINARE, nhiệm kỳ 2015-2019
- Giao Ban Giám đốc tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản trị Tổng công ty và Quy chế Công bố thông tin, trình HĐQT/ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua
- Nhất trí thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về Nguyên tắc hạch toán doanh thu-chi phí theo yêu cầu Thông tư 194/2014/TT-BTC

Ngoài các phiên họp trực tiếp nêu trên, HĐQT đã lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản và thông qua các quyết định sau:

1	Quyết định số 01/2015/QĐ- HĐQT	13/01/2015	Phê chuẩn thời gian và chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
---	--------------------------------	------------	---

2	Quyết định số 03/2015/QĐ- HĐQT	09/4/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Cử cán bộ tham gia Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 22/4/2015 - Chỉ định Tổ thư ký tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 22/4/2015 - Đề cử cán bộ để Đại hội đồng cổ đông thường niên 22/4/2015 bầu vào Ban kiểm phiếu
3	Quyết định số 06/2015/QĐ- HĐQT	10/6/2015	Nhất trí lựa chọn Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2015
4	Quyết định số 08/2015/QĐ- HĐQT	15/7/2015	Tái bổ nhiệm bà Lưu Thị Việt Hoa chức vụ Kế toán Trưởng nhiệm kỳ 2015-2019
5	Quyết định số 09/2015/QĐ- HĐQT	21/7/2015	Nâng bậc lương cho ông Đặng Thế Vinh – Phó Tổng giám đốc
6	Quyết định số 12/2015/QĐ- HĐQT	21/8/2015	Thông qua việc tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1/2015 với tỷ lệ 5%/mệnh giá; thời gian thực hiện: Quý 4/2015
7	Quyết định số 14/2015/QĐ- HĐQT	14/9/2015	Ban hành các Quy chế Tổ chức và Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng)
8	Quyết định số 17/2015/QĐ- HĐQT	18/9/2015	Gia hạn thời gian đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Đặng Thế Vinh
9	Quyết định số 19/2015/QĐ- HĐQT	23/11/2015	Bổ nhiệm Ông Yves-Daniel Cochand – chuyên gia Swiss Re giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc VINARE với thời hạn 03 năm kể từ 18/11/2015
10	Quyết định số 21/2015/QĐ- HĐQT	28/12/2015	Phê chuẩn chương trình Tái bảo hiểm 2016 của VINARE
11	Quyết định số 22/2015/QĐ- HĐQT	28/12/2015	Phê chuẩn Quy chế Công bố thông tin sửa đổi năm 2016 của VINARE

Ban Kiểm soát

Thành phần BKS: Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2015 – 2019) do Đại hội đồng cổ đông ngày 24/4/2015 bầu ra gồm có các thành viên:

- Ông Trần Trung Tính - Trưởng ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Thanh Hiền - Ủy viên
- Ông Deepak Mohan - Ủy viên
- Ông Đỗ Quang Khánh - Ủy viên
- Ông Trần Phan Việt Hải - Ủy viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: theo kết quả chốt danh sách cổ đông ngày 7/3/2016

TT	Thành viên BKS	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 16/3/2015		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Trần Trung Tính	0,97%	0%	0,97%	0%
2	Lê Thị Thanh Hiền	0%	0%	0%	0%
3	Đỗ Quang Khánh	1,49%	0%	1,49%	0%
4	Deepak Mohan	0%	0%	0%	0%
5	Trần Phan Việt Hải	0,71%	0,003%	0,71%	0,003%

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

ST T	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Trần Trung Tính	Trưởng ban	02	100%	
2	Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên	02	100%	
3	Đỗ Quang Khánh	Thành viên	02	100%	
4	Deepak Mohan	Thành viên	02	100%	
5	Trần Phan Việt Hải	Thành viên	02	100%	

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ, chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Vinare, theo đúng phân công và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2014, trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 và tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT Vinare.
- Tham gia ý kiến về định hướng và chiến lược hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Tổng Công ty.
- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng Công ty về đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ Tổng Công ty.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ và chức năng của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và điều hành của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) theo các mảng nghiệp vụ được phân công trong Ban kiểm soát.

Căn cứ kết quả thẩm định trên báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ và kết quả làm việc với Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát đánh giá như sau:

Về Hoạt động kinh doanh:

- Tình hình tài chính lành mạnh, danh mục đầu tư an toàn. Quản lý công nợ chặt chẽ và đã thu hồi được một số khoản công nợ lớn (GIC & PJICO).
- Tiếp tục đẩy mạnh các dự án nâng cao nghiệp vụ, quản trị điều hành để tiến tới đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn mực quốc tế
- Thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác tài chính, trích lập dự phòng đầy đủ và theo nguyên tắc thận trọng.

Về Quản trị điều hành:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành sát sao, quan điểm minh bạch rõ ràng.
- Các vấn đề ra quyết định đều được thảo luận và thông báo đầy đủ tới ban điều hành và Ban kiểm soát.
- Ban điều hành chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT.
- Tiếp tục phát huy vị thế là đơn vị kết nối, hỗ trợ nghiệp vụ TBH cho thị trường bảo hiểm Việt nam.

Về Quản lý tài chính:

- Quản lý công nợ phải thu khách hàng và Phải trả người bán đã được cải thiện tốt: Phải thu khách hàng giảm 42.784 triệu đồng.
- Dự phòng hoạt động đầu tư tài chính giảm 23.126 triệu đồng, dự phòng nợ phải thu khó đòi giảm 7.234 triệu đồng.
- Năm 2015 biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty đạt 1.506.178 triệu đồng so với biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định là 202.143 triệu đồng.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Luơng, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của HĐQT (bao gồm cả thù lao thành viên HĐQT chuyên trách), BKS, tổ thư ký giúp việc là 3,85 tỷ VND/năm. Việc xác định mức thù lao của các thành viên được thực hiện theo quyết định số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2015.

Đối với Ban Giám đốc và Kế toán trưởng, lương và các lợi ích khác thực hiện theo quyết định của HĐQT (quyết định số 02/2012/QĐ-HĐQT ngày 20/3/2012, quyết định số 01/2006/NQ-HĐQT ngày 19/1/2006).

Thu nhập của từng thành viên theo kết quả kinh doanh năm 2015:

❖ Hội đồng quản trị:

Đơn vị: VND

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Lê Song Lai	Chủ tịch, Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển	306.843.363
2	Martyn Parker	Phó Chủ tịch	209.337.822
3	Phan Kim Bằng	Phó Chủ tịch (từ ngày 18/11/2015)	136.258.909
4	Phạm Công Tứ	Thành viên, Tổng Giám đốc	1.949.527.419
5	Trần Vĩnh Đức	Thành viên	199.943.123
6	Đào Nam Hải	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng	235.943.123
7	Beat Schnegg	Thành viên	118.484.814
8	Phạm Sỹ Danh	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Nhân sự	169.295.415
9	Mai Xuân Dũng	Thành viên, Phó Tổng giám đốc	1.354.855.813

❖ Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Trần Trung Tính	Trưởng BKS	142.781.197
2	Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên BKS	87.421.681
3	Đỗ Quang Khánh	Thành viên BKS	118.019.270
4	Deepak Mohan	Thành viên BKS	69.937.345
5	Trần Phan Việt Hải	Thành viên BKS	118.019.270

❖ Ban Tổng giám đốc & Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
-----	-----------	-----------	----------

1	Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc	Như trên
2	Đặng Thế Vinh	Phó Tổng giám đốc	1.341.315.015
3	Mai Xuân Dũng	Phó Tổng giám đốc	Như trên
4	Yves-Daniel Cochand	Phó Tổng giám đốc (từ 18/11/2015)	187.694.912
5	Lưu Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng, thư ký HĐQT	1.452.200.802

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	TCTy cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	Bên có liên quan với thành viên BKS	1.267.110	0,97%	1.080.010	0,82%	Bán
2	Mai Xuân Dũng	Phó TGD	80.457	0,06%	37.457	0,03%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

Thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Nhìn chung, Tổng công ty đã chấp hành tốt các quy định về quản trị công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC.

Đối với quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập, hiện nay Tổng công ty mới có 2/9 thành viên HĐQT độc lập. Theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, số thành viên HĐQT độc lập tối thiểu là 1/3 và được làm tròn xuống.

HĐQT đã tiến hành rà soát các yêu cầu của Thông tư 121 và sẽ hoàn thiện yêu cầu này trong thời gian sớm nhất có thể.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM



Phụ lục
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 2015



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION

7/F, 141 Le Duan Str., Hanoi, Vietnam - Tel: (84-4)3 9422354 - Fax: (84-4)3 9422351 - E-mail: vinare@vinare.com.vn

Số: *62* /VNR/TCKT/2015
 V/v: Giải trình báo cáo tài chính
 hợp nhất năm 2015

Hà Nội, ngày *15* tháng 03 năm 2016

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện quy định tại thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính, hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam(VINARE) xin được giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán như sau:

1/ Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán	Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán	Chênh lệch tăng(+), giảm(-)
Tổng lợi nhuận kế toán	294.001.895.465	290.783.544.825	(3.218.350.640)
Lợi nhuận sau thuế	243.586.243.933	241.075.930.434	(2.510.313.499)

Lợi nhuận kế toán của công ty Mẹ giảm **3,218,350,640 đồng** (như đã giải trình tại công văn số 58/VNR/KTTC/2016 ngày 11/03/2016 của VINARE), đã làm lợi nhuận kế toán hợp nhất giảm số tiền tương ứng **3,218,350,640 đồng** và lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm số tiền **2,510,313,499 đồng** so với số trước kiểm toán.

2/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất: Trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ của Báo cáo riêng (như đã giải trình tại công văn số 58/VNR/KTTC/2016 ngày 11/03/2016 của VINARE), đã làm thay đổi các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo hợp nhất.

Trên đây là giải trình về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: TCKT. TH.



Phạm Công Tử

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM
QUỐC GIA VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Song Lai	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015) Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Trịnh Quang Tuyền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Phan Kim Bằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015) Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015)
Ông Martyn Parker	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Công Tứ	Thành viên
Ông Trần Vĩnh Đức	Thành viên
Ông Đào Nam Hải	Thành viên
Ông Hoàng Việt Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Sỹ Danh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Beat Schnegg	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thế Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thomas Kessler	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015)
Ông Mai Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yves-Danil Conchand	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Công Tử
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016

200
T
H
I
N
A
11

Số: 455 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam và công ty con (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1291-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 10 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2452-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DNPNT
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		5.278.551.452.636	4.907.419.601.474
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	215.489.620.218	297.587.919.060
1. Tiền	111		200.489.620.218	147.927.919.060
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	149.660.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.974.741.015.580	1.742.095.935.326
1. Chứng khoán kinh doanh	121		31.067.564.861	30.474.683.685
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(6.726.549.281)	(2.928.748.359)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.950.400.000.000	1.714.550.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		988.251.433.312	1.026.371.186.846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.035.509.379.741	1.078.308.021.619
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		702.403.057.743	970.662.445.328
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		333.106.321.998	107.645.576.291
2. Trả trước cho người bán	132		56.500.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		338.755.051	409.756.017
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(47.653.201.480)	(52.346.590.790)
IV. Hàng tồn kho	140		206.866.990	135.670.390
1. Hàng tồn kho	141		206.866.990	135.670.390
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		159.203.478.279	145.410.857.015
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	158.476.806.806	144.750.901.483
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		158.476.806.806	144.750.901.483
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		726.671.473	659.955.532
VI. Tài sản tái bảo hiểm	190		1.940.659.038.257	1.695.818.032.837
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		490.575.015.171	500.955.574.666
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.450.084.023.086	1.194.862.458.171

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DNPNT
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.186.755.428.812	1.127.090.437.485
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.000.000.000	22.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		22.000.000.000	22.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	216.1		22.000.000.000	22.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		25.264.330.092	34.532.784.284
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.583.315.430	10.701.654.498
- Nguyên giá	222		25.113.907.036	24.940.283.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.530.591.606)	(14.238.628.538)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	16.681.014.662	23.831.129.786
- Nguyên giá	228		32.434.195.934	32.434.195.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.753.181.272)	(8.603.066.148)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	13.817.812.339	15.235.023.861
- Nguyên giá	231		34.055.061.893	34.055.061.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(20.237.249.554)	(18.820.038.032)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.391.695.266	13.323.363.983
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.391.695.266	13.323.363.983
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.050.936.263.290	981.534.666.404
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		186.566.776.135	167.306.051.992
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		472.000.270.000	472.000.270.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.236.940.220)	(47.359.987.642)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		409.606.157.375	389.588.332.054
VI. Tài sản dài hạn khác	260		61.345.327.825	60.464.598.953
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.737.416.738	1.836.755.101
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		211.038.209	230.970.974
3. Tài sản dài hạn khác	268	9	58.396.872.878	58.396.872.878
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.465.306.881.448	6.034.510.038.959

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DNPNT
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.812.072.305.307	3.355.473.837.652
I. Nợ ngắn hạn	310		3.808.248.264.821	3.352.128.401.641
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	836.534.241.830	735.751.584.171
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		598.460.877.116	723.221.578.477
1.2. Phải trả khác cho người bán	311.2		238.073.364.714	12.530.005.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.562.551.137	980.218.989
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	7.883.683.343	7.744.878.106
4. Phải trả người lao động	314		14.028.770.977	14.593.455.287
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	70.799.143.985	9.389.622.657
6. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	15	104.434.105.144	97.838.561.942
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.921.185.579	12.717.559.202
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	16	2.759.084.582.826	2.473.112.521.287
8.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1		750.087.992.887	736.789.100.483
8.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2		1.834.243.959.691	1.582.390.623.540
8.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		174.752.630.248	153.932.797.264
II. Nợ dài hạn	330		3.824.040.486	3.345.436.011
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.864.775.901	2.295.567.947
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		959.264.585	1.049.868.064
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		2.653.234.576.141	2.679.036.201.307
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.653.234.576.141	2.679.036.201.307
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411b		1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	566.368.537.309	566.368.537.309
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	191.870.712.711	187.779.081.159
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	419	17	103.484.887.493	93.255.808.614
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	450.515.403.971	489.126.408.365
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		294.219.533.934	188.525.352.585
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		156.295.870.037	300.601.055.780
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		30.235.664.657	31.746.995.860
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.465.306.881.448	6.034.510.038.959

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01-DNPNT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
I. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	8.381.359,93	10.449.604,08
Đô la Úc	AUD	400,63	418,15
Yên Nhật	JPY	33.815,00	35.267,00
Đô la Singapore	SGD	500,29	522,37
Bảng Anh	GBP	194,41	201,01
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	180.029,78	268.706,16



Nguyễn Thành Công
Người lập biểu



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc

110 / 12011111111111

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	991.766.780.590	901.784.123.765
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	214.820.980.122	300.699.029.599
3. Thu nhập khác	13	15.483.600.730	28.093.716.323
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	893.251.421.348	774.711.704.620
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	(3.126.134.030)	(13.723.227.330)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	65.404.937.283	75.521.992.650
7. Chi phí khác	24	7.031.547.302	11.213.957.626
8. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	25	31.273.955.286	33.234.599.904
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24+25)	50	290.783.544.825	416.087.042.025
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	49.687.681.626	81.493.607.887
11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	19.932.765	43.376.500
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	241.075.930.434	334.550.057.638



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)	01	18	1.564.341.904.156	1.473.671.063.509
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.617.142.212.907	1.512.456.200.118
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		52.800.308.751	38.785.136.609
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)	02	19	977.476.921.403	935.774.298.078
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.003.698.253.815	954.209.712.719
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		26.221.332.412	18.435.414.641
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		586.864.982.753	537.896.765.431
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	04		404.901.797.837	363.887.358.334
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		206.685.148.032	103.273.380.221
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	20	198.216.649.805	260.613.978.113
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		991.766.780.590	901.784.123.765
6. Chi bồi thường (11=11.1)	11		1.074.032.964.965	1.054.419.773.432
- Tổng chi bồi thường	11.1		1.074.032.964.965	1.054.419.773.432
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		742.339.034.035	793.735.449.206
8. Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		265.115.068.515	84.334.319.791
9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		267.470.688.657	23.834.007.661
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	21	329.338.310.788	321.184.636.356
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		18.403.318.772	16.753.113.940
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		545.509.791.788	436.773.954.324
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		332.946.516.626	174.364.485.568
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	22	212.563.275.162	262.409.468.756
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18		893.251.421.348	774.711.704.620
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	19		98.515.359.242	127.072.419.145

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	214.820.980.122	300.699.029.599
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	(3.126.134.030)	(13.723.227.330)
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		217.947.114.152	314.422.256.929
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	65.404.937.283	75.521.992.650
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		251.057.536.111	365.972.683.424
20. Thu nhập khác	31		15.483.600.730	28.093.716.323
21. Chi phí khác	32		7.031.547.302	11.213.957.626
22. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.452.053.428	16.879.758.697
23. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	40.1		31.273.955.286	33.234.599.904
24. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+40.1)	50		290.783.544.825	416.087.042.025
25. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	49.687.681.626	81.493.607.887
26. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		19.932.765	43.376.500
27. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		241.075.930.434	334.550.057.638
<i>Phân phối cho:</i>				
Cổ đông của Tổng Công ty	61		242.587.261.637	334.808.892.187
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		(1.511.331.203)	(258.834.549)
28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.801	2.487

1125
ÔNG
NHỆM
LỢI
T N
24.1



Nguyễn Thành Công
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DNPNT
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	01	711.375.841.572	705.571.713.794
2. Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	02	(451.663.312.615)	(671.386.118.949)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(34.061.092.970)	(34.719.826.811)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(49.100.000.000)	(86.125.962.670)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.023.317.227	16.370.746.310
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(25.253.155.676)	(17.676.047.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	157.321.597.538	(87.965.496.066)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.280.955.283)	(2.167.816.660)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.617.364.844.860)	(1.540.768.048.299)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.360.031.966.696	1.637.014.836.576
4. Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	206.681.863.718	324.903.707.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(51.931.969.729)	418.982.679.133
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(196.271.082.000)	(200.197.958.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(196.271.082.000)	(200.197.958.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(90.881.454.191)	130.819.224.267
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	297.587.919.060	166.393.970.344
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.783.155.349	374.724.449
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	215.489.620.218	297.587.919.060



Nguyễn Thành Công
Người lập biểu



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC4/KDBH ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 96 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 94 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tương ứng là 63,9% và 60%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có một công ty liên kết là Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết đều là 25%.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

10/01/2016
CH
DE
VII
/Gt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Việc tính toán dự phòng phải thu được thực hiện cho từng khách hàng như sau:

Đối với các khách hàng có tổng số dư phải thu liên quan đến bảo hiểm nhỏ hơn tổng số dư phải trả liên quan đến bảo hiểm, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng. Trường hợp ngược lại, Tổng Công ty sẽ bù trừ số dư phải trả liên quan đến bảo hiểm với số dư phải thu liên quan đến bảo hiểm theo nguyên tắc trừ lùi từ khoản nợ phải thu quá hạn dài nhất đến ngắn nhất. Sau khi xác định số còn phải thu theo từng khách hàng, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính trên cơ sở:

- Không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán dưới 6 tháng;
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 30%;
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 12 tháng đến dưới 24 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 50%;
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 24 tháng đến dưới 36 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 70%;
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 36 tháng trở lên, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 100%.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch tỷ giá được xác định trước. Tại ngày hiệu lực của cam kết, Công ty thanh toán cho đối tác một số tiền gốc bằng ngoại tệ và ghi nhận như một khoản phải thu. Đồng thời, Công ty hạch toán số tiền VND nhận được từ đối tác trên các khoản mục phải trả. Lãi /lỗ phát sinh từ các hợp đồng hoán đổi được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	4
Tài sản cố định khác	4 - 5

125
IG
EM
017
N
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm tái bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí hoa hồng chưa phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi việc giao kết bằng hợp đồng được xác lập và khi Tổng Công ty chấp nhận các bảng thanh toán với các nhà nhượng tái cho Tổng Công ty. Đối với nghiệp vụ nhượng tái, cơ sở ghi nhận là bảng thanh toán do Tổng Công ty lập nên để chuyển đi cho các nhà nhận tái của Tổng Công ty và đã được các nhà nhận tái xác nhận. Việc ghi nhận này phù hợp với quy định về chế độ tài chính đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính áp dụng với doanh nghiệp tái bảo hiểm được ghi nhận vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu được ghi nhận khi có thông báo chia lãi của công ty nhận đầu tư.

Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi công trái, lãi trái phiếu ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, được ghi nhận khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường. Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí trong năm tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Ghi nhận doanh thu khác, chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Đối với các khoản đặt cọc phát sinh từ hợp đồng tái bảo hiểm, Tổng Công ty ghi nhận vào doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm khi nhận tiền đặt cọc và ghi nhận vào chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm khi trả tiền đặt cọc.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

- Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ trong năm, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá hạch toán là 21.400 VND/Đô la Mỹ (USD) (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.000 VND/USD). Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ trong năm ban đầu được quy đổi sang VND theo tỷ giá hạch toán và sau đó được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm trong năm có gốc USD: Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản công nợ phải thu được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 22.450 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.380 VND/USD), số dư các khoản công nợ phải trả được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 22.540 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.380 VND/USD).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm trong năm có gốc ngoại tệ các loại khác USD được quy đổi về USD theo tỷ giá hạch toán; Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản công nợ phải thu được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 22.450 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.380 VND/USD), số dư các khoản công nợ phải trả được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 22.540 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.380 VND/USD).
- Đối với số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả không liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí trong năm có gốc ngoại tệ, Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc, Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ

Ngày 19 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 5297/BTC-QLBH về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam kể từ năm 2012. Theo đó, việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty trong năm được thực hiện như sau:

Dự phòng phí: Mức trích lập quỹ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá (đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không) được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm và phí nhượng tái bảo hiểm; đối với các loại hình bảo hiểm khác được tính bằng 50% phí nhận tái bảo hiểm và phí nhượng tái bảo hiểm trong năm.

2015
CÔNG
CHÍNH
VIỆT
NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ (Tiếp theo)

Dự phòng bồi thường:

- Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.
- Đối với dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập bằng 5% phí bảo hiểm nhận tái và nhượng tái của tất cả các nghiệp vụ.

Dự phòng dao động lớn: Được trích hàng kỳ theo phương pháp thống kê (tỷ lệ 3% trên mức phí giữ lại của tất cả các nghiệp vụ) cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của kỳ theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Ngày 28 tháng 9 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - “Hợp đồng bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên việc Tổng Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19.

Các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm và hoạt động kinh doanh nhượng tái được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

10
TY
KINH
TẾ
19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.201.818.272	2.343.232.568
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	198.287.801.946	145.584.686.492
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	149.660.000.000
	<u>215.489.620.218</u>	<u>297.587.919.060</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MÃU SỐ B 09-DNPNT

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a) Chứng khoán kinh doanh				
- Tổng giá trị cổ phiếu	31.067.564.861	25.877.908.800	(6.726.549.281)	28.019.958.100
+ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	1.458.310.200	2.626.241.500	-	28.019.958.100
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)	114.205	131.400	-	1.902.250.600
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (SDT)	10.004.752.882	7.115.440.000	(2.889.312.882)	9.829.323.000
+ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)	-	-	-	9.538.370.000
+ Công ty Cổ phần FPT (FPT)	9.291.055.275	9.660.000.000	-	6.100.000.000
+ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET)	7.435.328.889	5.676.240.500	(1.759.088.389)	-
+ Khác	2.878.003.410	799.855.400	(2.078.148.010)	650.014.500
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1) Ngân hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.950.400.000.000	-	-	2.104.138.332.054
- Trái phiếu (iii)	1.920.400.000.000	-	-	1.714.550.000.000
b2) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	30.000.000.000	-	-	1.664.500.000.000
- Trái phiếu (iii)	409.606.157.375	-	-	50.050.000.000
- Các khoản ủy thác đầu tư (iv)	68.000.000.000	-	-	389.588.332.054
- Đầu tư dài hạn khác	180.000.000.000	-	-	168.000.000.000
	147.926.617.979	-	-	90.000.000.000
	13.679.539.396	-	-	117.908.792.658
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty liên kết	658.567.046.135	-	(17.236.940.220)	639.306.321.992
- Đầu tư vào đơn vị khác (v)	186.566.776.135	-	-	167.306.051.992
	472.000.270.000	-	(17.236.940.220)	472.000.270.000
				(47.359.987.642)
				(47.359.987.642)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có thời hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước, với mức lãi suất từ 4,5% đến 7,9%/năm.
- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi có thời hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước, với mức lãi suất 6,4%/năm.
- (iii) Trái phiếu thể hiện trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu Chính phủ có thời gian đáo hạn dưới 1 năm và từ 01 đến đến 06 năm với mức lãi suất từ 8,75% đến 10,325%/năm.
- (iv) Các khoản ủy thác đầu tư thể hiện các hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB và Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác.
- (v) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền chi phối hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Chi tiết góp vốn cổ phần như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2015	31/12/2014
		VND	VND
Vốn góp cổ phần bao gồm:			
Vốn góp vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	8,76%	59.289.270.000	59.289.270.000
Vốn góp vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	4,42%	38.416.000.000	38.416.000.000
Vốn góp vào Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	6,00%	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	4,40%	17.600.000.000	17.600.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	2,38%	8.000.000.000	8.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	8,42%	32.000.000.000	32.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam	1,68%	2.695.000.000	2.695.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	10,00%	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	5,41%	278.000.000.000	278.000.000.000
		472.000.270.000	472.000.270.000

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở báo cáo tài chính của các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Thông tin về cổ phiếu thương đã được nhận đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty này như sau:

	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	10.000	353.056
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	10.000	2.542.857
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	10.000	381.024
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.000	12.905
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	10.000	66.545
Công ty Cổ phần FPT	10.000	2.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	Bảo hiểm phi nhân thọ

Thông tin tài chính tóm tắt về Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina được trình bày như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	1.930.758.954.110	1.737.704.629.274
Tổng công nợ	1.184.491.849.571	1.068.480.421.306
Tài sản thuần	746.267.104.539	669.224.207.968
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào liên kết	186.566.776.135	167.306.051.992
	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu	342.528.350.254	341.004.043.402
Lợi nhuận thuần	125.095.821.144	132.938.399.615
Phần lợi nhuận thuần của Tổng Công ty trong liên kết	31.273.955.286	33.234.599.904

- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm: công ty liên kết trong năm 2015 hoạt động ổn định theo lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký.
- Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên kết trong năm gồm:
 - + Giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina có các giao dịch về nhận, nhượng phí tái bảo hiểm, hoa hồng nhận, nhượng tái bảo hiểm và bồi thường nhận, nhượng tái bảo hiểm.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh có giao dịch trên thị trường tài chính được xác định theo giá công bố tại ngày báo cáo. Với các khoản chứng khoán kinh doanh không có thị trường hoạt động, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.
- Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

500
G T
M H U
T I T
N A I
T P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	702.403.057.743	970.662.445.328
- Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	245.413.218.686	452.936.394.776
- Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	416.571.252.771	454.836.247.074
- Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	40.418.586.286	62.889.803.478
Phải thu khác của khách hàng	333.106.321.998	107.645.576.291
- Dự thu lãi đầu tư	96.504.533.675	97.066.595.670
- Phải thu liên quan đến các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	224.500.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	12.101.788.323	10.578.980.621
	<u>1.035.509.379.741</u>	<u>1.078.308.021.619</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	158.476.806.806	144.750.901.483
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	158.476.806.806	144.750.901.483
- Số dư đầu năm	144.750.901.483	-
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	346.672.421.949	319.115.387.051
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	332.946.516.626	174.364.485.568
- Số dư cuối năm	158.476.806.806	144.750.901.483
b) Dài hạn	2.737.416.738	1.836.755.101
Chi phí mua thẻ golf	1.212.037.690	1.269.044.651
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.525.379.048	567.710.450
	<u>161.214.223.544</u>	<u>146.587.656.584</u>

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Dự án Paragon Tower	20.620.952.000	20.620.952.000
Dự án Tincorn Plaza (360 Giải Phóng)	37.775.920.878	37.775.920.878
	<u>58.396.872.878</u>	<u>58.396.872.878</u>

Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản đặt cọc dài hạn cho hợp đồng mua bất động sản. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng các dự án đang được triển khai theo tiến độ kế hoạch và không có sự suy giảm đáng kể về giá trị khoản đặt cọc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	15.170.997.037	2.980.277.071	6.503.468.474	285.540.454	24.940.283.036
Tăng trong năm	-	-	173.624.000	-	173.624.000
Tại ngày 31/12/2015	15.170.997.037	2.980.277.071	6.677.092.474	285.540.454	25.113.907.036
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	8.641.701.097	2.062.679.009	3.301.039.853	233.208.579	14.238.628.538
Tăng trong năm	607.376.366	420.195.500	1.247.418.702	16.972.500	2.291.963.068
Tại ngày 31/12/2015	9.249.077.463	2.482.874.509	4.548.458.555	250.181.079	16.530.591.606
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	5.921.919.574	497.402.562	2.128.633.919	35.359.375	8.583.315.430
Tại ngày 31/12/2014	6.529.295.940	917.598.062	3.202.428.621	52.331.875	10.701.654.498

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 3.087.526.830 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.800.092.259 VND).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Số dư tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế của phần mềm tái bảo hiểm.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	31/12/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	34.055.061.893	-	-	34.055.061.893
- Nhà (i)	34.055.061.893	-	-	34.055.061.893
Giá trị hao mòn lũy kế	18.820.038.032	1.417.211.522	-	20.237.249.554
- Nhà (i)	18.820.038.032	1.417.211.522	-	20.237.249.554
Giá trị còn lại	15.235.023.861	-	-	13.817.812.339
- Nhà	15.235.023.861	-	-	13.817.812.339

(i) Thể hiện phần giá trị của Tòa nhà tại số 141 Lê Duẩn tương ứng với phần diện tích cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Theo đánh giá của Tổng Công ty, giá trị bất động sản đầu tư đang ghi nhận trên sổ sách kế toán đã phản ánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	598.807.995.047	723.221.578.477
- Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	193.579.100.580	224.643.886.044
- Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	365.873.692.786	471.785.842.323
- Phải trả khác về nghiệp vụ tái bảo hiểm	39.355.201.681	26.791.850.110
Phải trả khác cho người bán	237.726.246.783	12.530.005.694
- Tạm thu thuế nhà thầu 2% phí tái bảo hiểm ra nước ngoài	10.159.550.306	10.037.227.032
- Phải trả khác liên quan đến hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	224.559.970.000	-
- Phải trả khác	3.006.726.477	2.492.778.662
	<u>836.534.241.830</u>	<u>735.751.584.171</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Phát sinh trong năm</u>			
	<u>31/12/2014</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	447.764.259	1.487.243.646	1.852.199.384	82.808.521
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.100.282.651	49.687.681.626	49.100.000.000	7.687.964.277
Thuế thu nhập cá nhân	78.753.196	6.337.392.083	6.395.265.624	20.879.655
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	118.078.000	948.513.744	974.560.854	92.030.890
Cộng	<u>7.744.878.106</u>	<u>58.464.831.099</u>	<u>58.326.025.862</u>	<u>7.883.683.343</u>

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	175.233.249.129	107.228.184.599
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	104.434.105.144	97.838.561.942
- Số dư đầu năm	97.838.561.942	-
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	213.280.691.234	201.111.942.163
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	206.685.148.032	103.273.380.221
- Số dư cuối năm	104.434.105.144	97.838.561.942
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	70.799.143.985	9.389.622.657
Cổ tức phải trả	65.646.669.500	79.175.000
Phải trả, phải nộp khác	5.152.474.485	9.310.447.657
b) Dài hạn	2.864.775.901	2.295.567.947
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.864.775.901	2.295.567.947
	<u>178.098.025.030</u>	<u>109.523.752.546</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	31/12/2015		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
I. Hoạt động chính			
1. Dự phòng bồi thường	1.824.197.799.139	1.440.993.545.027	383.204.254.112
<i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	<i>1.743.340.688.493</i>	<i>1.390.808.632.337</i>	<i>352.532.056.156</i>
<i>Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo</i>	<i>80.857.110.646</i>	<i>50.184.912.690</i>	<i>30.672.197.956</i>
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	749.438.122.314	490.182.251.446	259.255.870.868
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp			
1. Dự phòng bồi thường	10.046.160.552	9.090.478.059	955.682.493
<i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	<i>9.981.173.495</i>	<i>9.051.201.686</i>	<i>929.971.809</i>
<i>Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo</i>	<i>64.987.057</i>	<i>39.276.373</i>	<i>25.710.684</i>
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	649.870.573	392.763.725	257.106.848
	2.584.331.952.578	1.940.659.038.257	643.672.914.321

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	Năm 2015		
	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
I. Hoạt động chính			
Số dư đầu năm	1.559.082.730.624	1.173.522.856.370	385.559.874.254
Số trích lập trong năm	265.115.068.515	267.470.688.657	(2.355.620.142)
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp			
Số dư đầu năm	23.307.892.916	21.339.601.801	1.968.291.115
Số (hoàn nhập) trong năm	(13.261.732.364)	(12.249.123.742)	(1.012.608.622)
Số dư cuối năm	1.834.243.959.691	1.450.084.023.086	384.159.936.605

01125
CÔNG
CH NHIỆM
E LOI
VIỆT I
G DA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (Tiếp theo)

Dự phòng phí chưa được hưởng	Năm 2015		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
I. Hoạt động chính			
Số dư đầu năm	696.637.813.563	463.960.919.034	232.676.894.529
Số trích lập trong năm	52.800.308.751	26.221.332.412	26.578.976.339
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp			
Số dư đầu năm	40.151.286.920	36.994.655.632	3.156.631.288
Số (hoàn nhập) trong năm	(39.501.416.347)	(36.601.891.907)	(2.899.524.440)
Số dư cuối năm	750.087.992.887	490.575.015.171	259.512.977.716
Dự phòng dao động lớn		2015	2014
		VND	VND
I. Hoạt động chính			
Số dư đầu năm		147.472.628.310	130.719.514.370
Số tăng trong năm		18.403.318.772	16.753.113.940
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp			
Số dư đầu năm		6.460.168.954	2.005.185.006
Số tăng trong năm		2.416.514.212	4.454.983.948
Số dư cuối năm		174.752.630.248	153.932.797.264

HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

MẪU SỐ B 09-DNPNT

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	1.008.276.580.000	768.023.850.642	180.519.661.106	75.107.258.481	399.204.939.342	2.431.132.289.571
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	334.808.892.187	334.808.892.187
Tăng vốn điều lệ	302.482.790.000	(201.655.313.333)	-	-	(100.827.476.667)	-
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	(9.024.452.090)	(9.024.452.090)
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	7.259.420.053	18.148.550.133	(34.207.836.407)	(8.799.866.221)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(100.827.658.000)	(100.827.658.000)
Tại ngày 01/01/2015	1.310.759.370.000	566.368.537.309	187.779.081.159	93.255.808.614	489.126.408.365	2.647.289.205.447
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	242.587.261.636	242.587.261.636
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (i)	-	-	4.091.631.552	10.229.078.879	(20.753.423.100)	(6.432.712.669)
Chia cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	-	(262.151.874.000)	(262.151.874.000)
Tăng khác	-	-	-	-	1.707.031.070	1.707.031.070
Tại ngày 31/12/2015	1.310.759.370.000	566.368.537.309	191.870.712.711	103.484.887.493	450.515.403.971	2.622.998.911.484

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam số 05/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2015/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2014 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 theo tỷ lệ lần lượt là 15% và 5% vốn chủ sở hữu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối cho các cổ đông tương đương với tổng số tiền là 262.151.874.000 VND, đồng thời Tổng Công ty tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 20.753.423.100 VND. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2015 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số vốn thực góp của các cổ đông và thặng dư vốn cổ phần như sau:

	Vốn góp tại ngày			
	31/12/2015	Tỷ lệ	31/12/2014	Tỷ lệ
	VND		VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.310.759.370.000	100%	1.310.759.370.000	100%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	529.060.350.000	40,36%	529.060.350.000	40,36%
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	327.689.890.000	25,00%	327.689.890.000	25,00%
Các cổ đông khác	454.009.130.000	34,64%	454.009.130.000	34,64%
Thặng dư vốn cổ phần	566.368.537.309		566.368.537.309	
	1.877.127.907.309		1.877.127.907.309	

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	131.075.937	131.075.937
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.075.937	131.075.937
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.075.937</i>	<i>131.075.937</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	2015	2014
	VND	VND
Phí nhận tái bảo hiểm	1.649.647.980.742	1.537.367.694.005
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	<i>17.240.850.443</i>	<i>28.521.117.521</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&I</i>	<i>262.340.042.615</i>	<i>254.128.271.474</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	<i>238.056.735.359</i>	<i>240.000.769.062</i>
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	<i>283.699.986.619</i>	<i>248.397.836.050</i>
<i>Bảo hiểm tài sản, cháy nổ</i>	<i>531.554.892.307</i>	<i>483.141.587.288</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>30.971.749.144</i>	<i>38.442.839.871</i>
<i>Bảo hiểm khác</i>	<i>285.783.724.255</i>	<i>244.735.272.739</i>
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(32.505.767.835)	(24.911.493.887)
Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	52.800.308.751	38.785.136.609
	1.564.341.904.156	1.473.671.063.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2015	2014
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.018.776.094.545	965.242.353.514
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	<i>11.425.647.435</i>	<i>21.424.912.409</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&I</i>	<i>176.010.206.911</i>	<i>173.164.794.162</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	<i>47.303.332.044</i>	<i>52.973.838.911</i>
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	<i>142.052.432.428</i>	<i>134.543.636.958</i>
<i>Bảo hiểm tài sản, cháy nổ</i>	<i>404.841.512.021</i>	<i>378.294.171.810</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>29.163.419.742</i>	<i>36.054.154.488</i>
<i>Bảo hiểm khác</i>	<i>207.979.543.964</i>	<i>168.786.844.776</i>
Thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm	(15.077.840.730)	(11.032.640.795)
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	26.221.332.412	18.435.414.641
	977.476.921.403	935.774.298.078

20. DOANH THU KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	2015	2014
	VND	VND
Thu khác nhận tái bảo hiểm	106.579.970.343	130.175.608.347
Khoản đặt cọc hợp đồng clean cut	13.831.178.903	13.065.430.767
Dự phòng bồi thường hoàn trả	90.956.450.434	108.291.462.344
Chênh lệch thu chi hệ hợp đồng P&I	-	8.701.229.792
Các khoản thu khác	1.792.341.006	117.485.444
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	91.636.679.462	130.438.369.766
Dự phòng bồi thường giữ lại	86.875.754.388	125.717.405.993
Các khoản thu khác	4.760.925.074	4.720.963.773
	198.216.649.805	260.613.978.113

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	2015	2014
	VND	VND
Chi bồi thường	1.074.032.964.965	1.054.419.773.432
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	<i>17.186.851.530</i>	<i>18.844.476.671</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&I</i>	<i>157.504.972.745</i>	<i>255.768.003.701</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	<i>146.750.697.408</i>	<i>64.419.781.128</i>
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	<i>146.527.858.847</i>	<i>281.431.183.869</i>
<i>Bảo hiểm tài sản, cháy nổ</i>	<i>460.905.592.252</i>	<i>319.464.165.686</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>4.365.396.986</i>	<i>3.966.168.956</i>
<i>Bảo hiểm khác</i>	<i>140.791.595.197</i>	<i>110.525.993.421</i>
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	742.339.034.035	793.735.449.206
Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	265.115.068.515	84.334.319.791
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	267.470.688.657	23.834.007.661
	329.338.310.788	321.184.636.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi khác nhận tái bảo hiểm	116.865.746.659	158.382.162.283
Khoản đặt cọc hợp đồng clean cut	13.831.178.903	13.065.430.767
Dự phòng bồi thường giữ lại	101.093.310.391	135.807.204.960
Các khoản chi khác	1.941.257.365	9.509.526.556
Chi khác nhượng tái bảo hiểm	95.697.528.503	104.027.306.473
Dự phòng bồi thường hoàn trả	93.339.796.831	100.942.185.923
Các khoản chi khác	2.357.731.672	3.085.120.550
	<u>212.563.275.162</u>	<u>262.409.468.756</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	139.177.621.215	161.728.185.899
Cổ tức và lợi nhuận được chia	20.057.437.220	16.442.124.006
Lãi công trái, trái phiếu	12.704.089.041	15.740.883.561
Lãi từ ủy thác đầu tư	20.138.446.897	10.297.023.078
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	20.451.990.986	1.843.715.573
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.877.541.316	461.282.417
Lãi chuyển nhượng vốn đầu tư	-	90.817.958.089
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	413.853.447	509.523.643
Doanh thu tài chính khác	-	2.858.333.333
	<u>214.820.980.122</u>	<u>300.699.029.599</u>

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	10.187.486.860	19.585.795.590
Lỗ kinh doanh chứng khoán	102.081.484	5.339.629.662
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	(26.325.246.500)	(48.795.383.816)
Chi phí tài chính khác	12.909.544.126	10.146.731.234
	<u>(3.126.134.030)</u>	<u>(13.723.227.330)</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	48.695.160.438	46.670.552.449
Chi phí văn phòng	738.849.145	1.286.548.214
Chi khấu hao tài sản cố định	9.435.125.672	7.504.699.212
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	518.337.584	3.729.467.332
(Hoàn nhập)/ chi phí dự phòng	(7.306.315.289)	3.091.467.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.009.393.278	4.025.008.332
Chi phí giao dịch, hội nghị, quảng cáo	5.531.260.707	5.265.725.779
Chi phí quản lý khác	3.783.125.748	3.948.523.883
	<u>65.404.937.283</u>	<u>75.521.992.650</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	893.251.421.348	774.711.704.620
Chi phí nhân viên	48.695.160.438	46.670.552.449
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.435.125.672	7.504.699.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.009.393.278	4.025.008.332
(Hoàn nhập)/ chi phí dự phòng	(7.306.315.289)	3.091.467.449
Chi phí khác bằng tiền	10.571.573.184	14.230.265.208
	<u>958.656.358.631</u>	<u>850.233.697.270</u>

27. THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 01 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định này, Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, nguyên tắc triển khai thí điểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với các hoạt động khác và hoạt động bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai. Phần phí bảo hiểm giữ lại trong năm sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định, được dùng để bổ sung vào dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất.

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Bộ Tài chính tiếp tục ban hành Thông tư số 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi hợp nhất khoản lỗ hàng năm từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong năm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm lỗ từ hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán khoản lỗ này vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong trường hợp bị lỗ do lỗ của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2012, Tổng Công ty bắt đầu nhận tái bảo hiểm cho hoạt động bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Lỗ lũy kế của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42.015.277.691 VND. Phần phí bảo hiểm giữ lại sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.365.092.842 VND được kết chuyển vào quỹ dự phòng dao động lớn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trình bày và hạch toán như vậy là phù hợp với các quy định của các quyết định và thông tư nêu trên.

Theo Quyết định số 315/QĐ-TTg, hoạt động thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục để quyết toán hoạt động này với Bộ Tài chính. Quyết định cuối cùng về kết quả hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

28. HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Ngày 07 tháng 7 năm 2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, trong đó quy định chính sách bảo hiểm đối với đội tàu khai thác hải sản xa bờ (“bảo hiểm tàu cá”). Cùng với các công ty bảo hiểm trong nước, Tổng Công ty tham gia loại hình bảo hiểm này với mục đích hỗ trợ thị trường và thực hiện các mục tiêu, chính sách của Chính phủ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 116/2014/TT-BTC hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP nói trên. Theo quy định tại Thông tư số 116/2014/TT-BTC, kết quả kinh doanh hoạt động bảo hiểm tàu cá được hạch toán chung vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi riêng doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh của loại hình bảo hiểm này. Trường hợp cuối kỳ quyết toán có chênh lệch dương từ hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp bảo hiểm chuyển toàn bộ khoản chênh lệch này vào quỹ dự phòng dao động lớn.

Trong năm 2015, tổng chênh lệch âm từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm cá là 843.745.439 VND được kết chuyển vào hoạt động kinh doanh trong năm.

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	290.783.544.825	416.087.042.025
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(71.709.258.192)	(70.308.477.040)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.267.480.465	5.149.262.952
Cộng: Lỗ của công ty con thuộc lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.511.331.203	258.834.549
Thu nhập chịu thuế	225.853.098.301	351.186.662.486
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	49.687.681.626	77.261.065.747
Thuế TNDN nộp theo biên bản thanh tra thuế	-	4.232.542.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19.932.765	43.376.500

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	2015	2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	241.075.930.434	334.550.057.638
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	VND	6.470.597.354	8.799.866.221
Trừ (lỗ) công ty con phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	VND	(1.511.331.203)	(258.834.549)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	236.116.664.283	326.009.025.966
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	Cổ phiếu	131.075.937	131.075.937
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	1.801	2.487

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm 2014 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và chia cổ tức năm 2014.

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	215.489.620.218	297.587.919.060
Phải thu khách hàng	987.856.178.261	1.025.961.430.829
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.450.084.023.086	1.194.862.458.171
Đầu tư ngắn hạn	1.974.741.015.580	1.742.095.935.326
Đầu tư dài hạn	864.369.487.155	814.228.614.412
Tổng cộng	5.492.540.324.300	5.074.736.357.798
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	892.021.361.024	725.793.532.139
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.834.243.959.691	1.582.390.623.540
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.864.775.901	2.295.567.947
Tổng cộng	2.729.130.096.616	2.310.479.723.626

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng được bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm tái bảo hiểm, sắp xếp tỉ lệ nhượng tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Trong năm, Tổng Công ty đã tham gia vào các giao dịch hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng để thực hiện phòng ngừa rủi ro về tỷ giá hối đoái.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	816.113.763.292	964.677.103.947	434.852.975.951	687.782.030.089
Euro (EUR)	4.647.250.416	3.988.303.226	937.341.728	2.818.227.135
Bảng Anh (GBP)	6.450.673	31.964.113.592	14.279.909	17.336.051
Đô la Singapore (SGD)	42.367.262	42.750.781	24.978.749	-
Đô la Úc (AUD)	6.548.874	8.463.273	2.329.852	-
Yên Nhật (JPY)	579.946.344	663.711.757	95.909.458	94.002.091

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	19.063.039.367	13.844.753.693
Euro (EUR)	185.495.434	58.503.805

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng. Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	215.489.620.218	-	-	215.489.620.218
Phải thu khách hàng	987.856.178.261	-	-	987.856.178.261
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.450.084.023.086	-	-	1.450.084.023.086
Đầu tư ngắn hạn	1.974.741.015.580	-	-	1.974.741.015.580
Đầu tư dài hạn	-	395.051.872.870	469.317.614.285	864.369.487.155
Tổng cộng	4.628.170.837.145	395.051.872.870	469.317.614.285	5.492.540.324.300
31/12/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	892.021.361.024	-	-	892.021.361.024
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.834.243.959.691	-	-	1.834.243.959.691
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	2.864.775.901	-	2.864.775.901
Tổng cộng	2.726.265.320.715	2.864.775.901	-	2.729.130.096.616
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.901.905.516.430	392.187.096.969	469.317.614.285	2.763.410.227.684
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	297.587.919.060	-	-	297.587.919.060
Phải thu khách hàng	1.025.961.430.829	-	-	1.025.961.430.829
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.194.862.458.171	-	-	1.194.862.458.171
Đầu tư ngắn hạn	1.742.095.935.326	-	-	1.742.095.935.326
Đầu tư dài hạn	-	361.729.998.721	452.498.615.691	814.228.614.412
Tổng cộng	4.260.507.743.386	361.729.998.721	452.498.615.691	5.074.736.357.798
31/12/2014				
Phải trả người bán và phải trả khác	725.793.532.139	-	-	725.793.532.139
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.582.390.623.540	-	-	1.582.390.623.540
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	2.295.567.947	-	2.295.567.947
Tổng cộng	2.308.184.155.679	2.295.567.947	-	2.310.479.723.626
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.952.323.587.707	359.434.430.774	452.498.615.691	2.764.256.634.172

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
<u>Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re</u>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	191.853.859.822	169.128.157.859
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	56.501.301.450	51.740.268.248
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	120.241.563.905	79.299.373.171
Cổ tức đã trả	49.153.483.500	50.413.830.000
<u>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</u>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	79.519.166.483	108.275.753.028
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	18.353.002.139	24.284.163.417
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	69.304.253.152	90.514.915.026
Phí nhận tái bảo hiểm	120.587.460.210	153.258.997.156
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	27.806.624.774	36.222.147.875
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	89.788.633.477	218.181.264.085
<u>Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina</u>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	353.123.706	6.579.468.972
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	99.333.049	936.429.459
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	5.086.606.057	6.207.698.235
Phí nhận tái bảo hiểm	182.467.387.074	283.470.614.194
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	38.525.260.011	93.870.438.334
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	285.294.876.880	259.794.332.878
<u>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước</u>		
Cổ tức đã trả	79.359.052.500	81.393.900.000
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>		
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm	4.874.870.614	4.399.079.788

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<u>Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re</u>		
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	30.572.635.960	30.599.749.265
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	28.433.346.197	69.488.291.729
Phải trả cổ tức	16.384.494.500	-
<u>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</u>		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	32.018.153.005	38.307.186.557
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	48.876.894.169	21.496.109.395
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	16.963.039.529	46.198.207.626
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	27.500.472.045	12.858.087.145
<u>Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina</u>		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	6.260.987.951	9.423.131.897
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	1.513.383.080	1.722.370.206
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	55.704.609.915	36.792.620.207
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	33.717.332	346.011.852
<u>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước</u>		
Phải trả cổ tức	26.453.017.500	-

33. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	18,36	18,68
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	81,64	81,32
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,96	55,60
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	41,04	44,40
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,39	1,46
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,58	0,61

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2014
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	23,79	33,81
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	19,73	27,19
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,50	6,90
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,73	5,54
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,19	12,64

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn nhân quỹ, hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh tái bảo hiểm. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của năm trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

SỐ LIỆU SO SÁNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

35. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Đơn vị: VND

Tên chỉ tiêu	Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản					
1. Các khoản tương đương tiền	112	756.660.000.000	112	149.660.000.000	Trình bày lại
2. Đầu tư ngắn hạn	121	1.138.024.683.685	121	30.474.683.685	Trình bày lại và đổi tên
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(2.928.748.359)	122	(2.928.748.359)	Trình bày lại và đổi tên
4. Phải thu khách hàng	131	1.078.308.021.619	123	1.714.550.000.000	Trình bày lại và đổi tên
5. Các khoản phải thu khác	135	-	131	1.078.308.021.619	Đổi tên
6. Tài sản ngắn hạn khác	158	409.756.017	136	409.756.017	Trình bày lại và đổi tên
7. Đầu tư dài hạn khác	258	861.588.602.054	155	-	Trình bày lại
			253	472.000.270.000	Trình bày lại
			255	389.588.332.054	Trình bày lại
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	735.751.584.171	311	735.751.584.171	Đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	980.218.989	312	980.218.989	Đổi tên
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9.389.622.657	319	9.389.622.657	Đổi tên
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	1.049.868.064	342	1.049.868.064	Đổi tên
5. Lợi ích cổ đông thiểu số	429	31.746.995.860	429	31.746.995.860	Đổi tên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

35. SÓ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chỉ tiêu	Mã số	2014		
		Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	412.067.999.363	(151.454.021.250)	260.613.978.113
2. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	413.863.490.006	(151.454.021.250)	262.409.468.756

Các chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Chỉ tiêu	Mã số	2014		
		Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	01	702.479.278.419	3.092.435.375	705.571.713.794
2. Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	02	(669.377.001.202)	(2.009.117.747)	(671.386.118.949)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(41.588.100.066)	6.868.273.255	(34.719.826.811)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(93.582.479.534)	7.456.516.864	(86.125.962.670)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.456.622.036	9.914.124.274	16.370.746.310
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.453.846.874)	(8.746.304.240)	(15.200.151.114)
7. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.389.691.937.033)	837.347.992.108	(1.552.343.944.925)
8. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.485.938.725.310	(839.823.888.734)	1.646.114.836.576
9. Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	339.003.738.671	(14.100.031.155)	324.903.707.516
10. Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	773.393.970.344	(607.000.000.000)	166.393.970.344
11. Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	904.587.919.060	(607.000.000.000)	297.587.919.060



Nguyễn Thành Công
Người lập biểu



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Phạm Công Tử
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016